

Nguyễn Trãi biên soạn - Lê Thái Tổ đề tựa

Lam Sơn Thực Lục

錄實山藍

Thế Kỷ 15

(1431)

Tựa sách:	Lam Sơn Thực Lục	Năm
Soạn giả:	Nguyễn Trãi (biên soạn), Lê Lợi (đề tựa)	1431
Dịch giả:	Bảo Thần	1944
Nhà xuất bản:	Tân Việt (in lần thứ 3)	1956
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Công Đệ, Tuyết Mai, Doãn Vượng, Lê Bắc	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Lam-sơn Thực Lục

Tựa

(Khi sửa lại bộ Lam-sơn thực lục)

Vua Thái-tổ Cao-Hoàng-đế của ta, ứng Trời, thuận người, nhân thời mở vận, khởi nghĩa ở núi Lam, quét nhanh lũ giặc Minh. Kịp khi Kiên-khôn đã trở lại như cũ, Vũ-trụ đã thay-đổi sang mới, khi ấy mới làm sách "Thực lục". Trong đó: nào ý trời xui-khiến, nào việc người chăm-nom; nào vì nghĩa cất quân; nào ra nguy vào hiểm; nào khi lấy ít địch nhiều; nào khi lấy thực đánh hư; nào khi làm giấy tờ phản-gián để quấy-rối tình giặc; nào khi lấy lời-lẽ phủ-dụ để yên-ủi lòng dân. Rồi ra, trăm trận đánh, trăm trận thắng, để có được thiên-hạ. Cùng với: bài đại-cáo khi bình giặc Ngô, đều là những lời trung, nghĩa, trí, dũng; lẽ phải-chăng dạy lại con-cháu, đều là những đạo tu, tề, trị, bình, ... Xét ra những việc mà chính mình Nhà Vua đã làm, không việc gì là không chép đủ. Bộ sách này, cốt ý bày-tỏ sự khó-khăn về việc gây-dựng nghiệp đế, bảo cho con-cháu được biết, để làm của báu gia-truyền mãi mãi; há những chỉ là khoe-khoang tài võ như thần, tài văn như thánh mà thôi đâu! Phiền nổi thế-đạo giữa chừng sa-sút, mà bộ sách này cơ-hồ bị ngọn lửa tàn-ác đốt cháy, trong hồi lẩn ngôi, cướp nước. Thế nhưng công-đức ở trong Trời Đất nào phải không còn; lẽ phải ở trong lòng người có mất sao được?

Tới đức Hoàng-đế Bệ-hạ ngày nay, sớm chịu mệnh trời, nổi giữ nghiệp báu; đức, nghĩa, ngày một tiến; sức học ngày một cao; thực là nhờ chúa Công-đức Nhân-Uy-Minh-Thánh Tây-Vương, linh chúc Đại-nguyên-soái, Chưởng-quốc-Chính, Thái-sư, Thượng-phụ, có công nuôi-nấng, đức-hun, giúp-đỡ, gây-dựng; ghi nhớ ơn đức của Tiên-vương, sửa-sang giếng-mối của lễ-nhạc, để làm cội-gốc cho việc nường-tựa, phù-trì; chuyên ủy cho chúa Định Nam-Vương linh chúc Nguyên-soái Điển-quốc-chính, duy trì danh-giáo, gây nên thái-bình. Cùng các quan quân-thần, huân-thần, giảng cầu đạo trị nước. Dỡ coi sách-vở, nhìn vào tục cũ, thấy đấng Tiên-tổ dựng nghiệp thật là khó-khăn; được nước thật là chính-đáng; từ khi nước Việt ta lập thành nước đến giờ, chưa từng có việc như thế. Nếu chỉ coi xem qua-loa, mà không kén-lựa những điều cốt-yếu, thì sao có rõ-rệt được nền công-đức trăm đời không thể dời-đổi, mà khiến cho muôn thừa còn như trông thấy trước mắt được? Bèn nhân những ngày rỗi, thường với quan Tế-tướng cùng các nho-thần bàn đến việc kinh-doanh nghiệp lớn của các bậc đế-vương tự đời xưa. Cho là bản sách cũ tuy có sao chép lại, thỉnh-thoảng còn có chỗ lẫn sót, chưa dễ hiểu cho hết. Vậy nay muốn soạn lại cho thật kỹ-lưỡng, thuận-túy, dùng để khắc vào bản gỗ, ngõ hầu công-nghiệp của bậc Tiên-đế lại sáng tỏ với đời! Bèn sắc chúng tôi, tham-khảo với bản chép cũ của các nhà mà sửa-sang lại; làm thì chữa; sót thì bù; để đọc coi cho tiện, truyền-bá cho rộng.

Chúng tôi vâng lĩnh lời vàng, đâu dám không gia công tìm-tòi, chấp-vá, sắp lại thành sách, kính chép dâng lên, để đời trí sáng-suốt coi tới. Được cho tên là bộ "Lam-sơn thực-lục sửa lại". Lập tức sai thợ mộc khắc bản, để lại lâu-dài. Khiến cho trong thiên-hạ, ai ai cũng biết đến đức Tiên-đế; công lấy lại nước ở tay giặc Ngô, còn trội hơn là việc trừ quân tàn-bạo của Hán Cao; ơn cứu được dân khỏi vòng nước lửa, nào có kém gì việc chữa nạn lụt-lợi của Hạ Vũ. Ôn-đức ngài chót-vốt như núi Kiên, núi Thái; công-nghiệp ngài rực-rỡ như mặt trăng, mặt trời. Than ôi! Người chép bộ sách này, nào phải như kẻ viết Lĩnh-nam trích quái, bày ra những chuyện hoang-đường; như kẻ viết Việt Điện u-linh góp lại những lời quái-gở! Chỉ là ghi lại những việc thực, để cho ngôi nước được chính, nghiệp vua được rõ mà thôi! Rồi đây sẽ thấy huân-nghiệp của Tổ-tông chói-lọi ở trên tờ ngọc; công-lao của Tổ-tông sáng ngời để giữa sách vàng! Công ấy, đức ấy, thường rực-rỡ với nghìn, muôn đời vậy. Bèn viết để làm lời tựa.

Khi ấy là ngày tốt-lành, tháng cuối Xuân, năm đầu niên-hiệu Vĩnh-trị.

Đặc-tiến Kim-Tử Vinh-Lộc Đại-phu, Tham-tụng, Công-bộ Thượng-thư, kiêm Đông-các Đại-học-sĩ, coi việc chép Quốc-sử, Duệ-quận-công, Thượng-trụ quốc, tôi là Hồ Sĩ Dương.

Gia-Tĩnh đại-phu, Bồi-tụng, Lại-bộ Tả-thị-lang, vào hầu việc Giảng Sách. Sử-quán Đô-tổng-tài, tôi là Đặng công Chất.

Quang-Tiến Thận-lộc đại-phu, Bồi-tụng, Lại-bộ Hữu thị-lang vào hầu việc Giảng Sách, Sử-quán Tổng-tài, Lại-An-nam, tôi là **Đào Công Chính**.

Triều-Liệt Đại-phu, Tham-Chính trong ty Tân-trị Thừa-chính ở các xứ Sơn-nam... Sử-quán Toàn tu, tôi là **Thiều sĩ Lâm**.

Mậu Lâm-lang, Bồi-tụng, Đông-các Hiệu-thư, Sử-quán Phó Toàn-Tu, tôi là **Nguyễn công Vọng**.

Mậu Lâm-lang, Hiến-sát-sứ ở ty Hiến-sát-sứ, coi các xứ Nghệ-an... Sử-quán Phó Toàn-tu, tôi là **Lê hùng Xưng**.

Nội-sai Thái-giám trong Thị-Nội giám, Tư-Lễ giám, Lĩnh-Xuyên hầu, tôi là **Phạm thế Vinh**;

Nội-sai Hữu-đề-điểm trong Tư-Lễ giám, Khoan-Thái-bà, tôi là **Phạm đình Liêu**.

Cùng vâng sắc coi việc sửa sách.

Trị trung trong sở Thủ-hợp Thị-Nội Thư-tả tôi là **Ngô thực Đức**.

Chính tự trong sở Thủ-hợp Thị-Nội Thư-tả tôi là **Hàn Tung**.

Huyện-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là **Nguyễn Luân**.

Tự-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là **Nguyễn đăng Doanh**.

Huyện-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là **Lê tiến Nhân**.

Sứ coi sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là **Lê duy Lương**;

Huyện-thừa trong sở Thị-Nội Nhưng Thư-tả tôi là **Nguyễn đăng Khoa**.

Cùng vâng sắc viết:

Thợ mộc, người các xã Hồng-lục, Liễu-chàng vâng sắc khắc bản in.

Lam-sơn Thực Lục

Tựa của Vua Lê Thái-Tổ

Dịch âm

Trẫm duy: Vật bản hồ Thiên, nhân bản hồ Tổ. Thụ như mộc, thủy, tất hữu căn, nguyên. Thị dĩ tự cổ Đế-vương chi hưng, nhược Thương chi thủy ư Hữu Nhung; Chu chi thủy ư Hữu Thai... Cái kỳ bản thịnh tắc diệt mậu; nguyên thâm tắc lưu trường. Phi Tiên-thế chi nhân ân chi sở bồi giả hậu, khánh trạch chi sở chung giả hồng, an-năng nhược thị tại?

Trẫm tao thị đa ạn, khai sáng vu nan! Hạnh nhi Thiên dữ, Nhân quy, công-nghiệp hữu thành giả, thực do Tổ-tông tích đức lũy nhân chi sở trí dã! Trẫm niệm chi phát dĩ, nãi bút vu thư, mục viết "Lam-sơn thực lục", sở dĩ trong kỳ bản thủy chi nghĩa. Diệc dĩ tự Trẫm gian-nan chi nghiệp, dĩ thù thị Tử-tôn vân.

Thì

Thuận-thiên tứ niên, trọng Đông-nguyệt, cốc nhật.

Lam-sơn động-chủ, tự.

Dịch nghĩa

Trẫm nghĩ: Vật gốc từ Trời, người gốc từ Tổ. Ví như cây và nước, tất có gốc, nguồn. Bởi vậy, từ xưa các dòng Đế-vương nổi lên, như nhà Thương, bắt đầu từ Hữu Nhung; nhà Chu, bắt đầu từ Hữu Thai... Vì rằng: gốc thịnh thì là tốt, nguồn sâu thì dòng dài. Nếu không phải nhờ ở nhân-ân bồi-đắp được dày-dặn, phúc-đức chung-đức được lớn-lao của các Đời-Trước, thì đâu có được như thế!

Trẫm gặp đời nhiều hoạn-nạn, mở nước, dựng nền, càng thấy khó-khăn! May mà Trời cho, Dân theo, gây nên được công-nghiệp, ấy thực là nhờ ở các bậc Tổ-tông tích-lũy mãi nhân-đức, mà đi tới cả! Trẫm nghĩ về chuyện đó mãi bèn chép vào sách, gọi là "Lam-sơn thực lục" (Sách ghi chuyện thực núi Lam) cốt là để trọng nghĩa đầu gốc. Và cũng để kể rõ sự-nghiệp gian-nan của Trẫm, truyền-bảo lại cho con-cháu vậy.

Khi ấy là:

Ngày tốt, tháng giữa Đông, năm thứ-tư hiệu Thuận-thiên.

Chúa động Lam-sơn đề tựa.

Lam Sơn Thực Lục

Cuốn thứ nhất

Đức Tăng-tổ nhà vua, họ Lê, tên húy là Hối người thôn Như-áng, huyện Lương-giang (tức là huyện Ngụy-nguyên ngày nay) phủ Thanh-hóa. Tính trời chất-phác, ngay-thẳng, giữ mình như kẻ ngu; thấy rõ việc từ lúc chưa xảy ra; biết sâu mà lo xa. Lấy bà là Nguyễn-thị Ngọc Duyên, (người trại Quần-đội huyện Lô-dương); làm nghề ông thầy.

Có một hôm Ngài đi chơi, thấy các loài chim liệng quanh ở dưới ngọn Lam-sơn, như vè đông người hội-họp, liền nói rằng: "Chỗ này tốt đây!". Nhân dời nhà tới ở đây.

Thế rồi dọn gai-góc, mở ruộng-nương, chính mình siêng-năng việc cày-cấy. Qua ba năm mà gầy nên sản-nghiệp. Con-cháu ngày một đông; tôi-tổ ngày một nhiều. Việc dựng nước, mở đất, thực gầy nên từ đấy. Từ đó, đời đời làm chúa một miền.

Đức Hoàng-tổ húy là Đinh, nổi được nghiệp nhà, để kế chí người trước. Hiền-hòa để trị dân; khoan-nhân mà thương người. Gần, xa đều đem lòng phục, càng ngày càng mến, theo dần. Bèn có đến hơn nghìn người dân.

Bà là Nguyễn thị Khoác, giữ nhà bằng cách siêng-năng, tần-tiện, tính-nết rất hiền. Trong chốn ruộng the, giúp-đỡ ông được nhiều việc lắm. Sinh hai con: trưởng là Tông, thứ là Khoáng.

Khoáng tức là đức Hoàng-Khảo sinh ra Nhà-vua. Tính ngài hoà-nhã, hiền-lành, vui-vẻ, thích làm việc thiện. Chiều-đãi khách-khứa, yêu-thương nhân dân. Phàm kẻ đói-khó, túng-thiếu, ốm-đau, chết-chóc, tất là Ngài có chu-cấp giúp-đỡ. Những dân ở hạt lán-giếng, coi cũng như người một nhà. Vì thế mọi người không ai là không cảm Ngài về ơn-đức mà phục Ngài về nghĩa-khi.

Bà là Trịnh-thị Ngọc Thương, lại chăm-chỉ về đạo đàn-bà: thờ cha, mẹ hết lòng hiếu-kính; đãi họ hàng có ơn; dạy con, cháu, lấy lễ. Ruộng the hòa-thuận, đạo nhà ngày một thịnh thêm. Sinh ba con trai: trưởng là Học, thứ là Trừ, út tức là Nhà-vua.

Học nổi nghiệp ông cha truyền lại, chẳng may ngắn số. Nhà vua kể nghiệp cha, anh, không dám để sa-sút; suy-nghĩ sâu-sắc, sao cho nổi chí, noi việc, trọn được đạo thường!

Nguyên xưa lúc Nhà-vua chưa sinh, ở xứ Du-sơn trong làng, dưới cây rừng quế, thuộc thôn sau Như-áng, thường có con hổ đen, thân nhau với người, chưa hề làm hại ai! Đến giờ Tý ngày mồng sáu tháng Tám năm Ất-sửu sinh ra Nhà-vua từ đó không thấy con hổ đâu! Người ta cho là chuyện lạ¹.

Lúc sinh Nhà-vua có ánh-sáng đỏ đầy nhà, mùi hương đầy xóm. Lúc nhỏ, tinh-thần và vẻ người coi rất mạnh-mẽ, nghiêm-trang; mắt sáng; miệng rộng; mũi cao; mặt vuông; vai trái có bầy nốt-ruồi; đi như rồng; bước như hổ, tóc, lông đầy người, tiếng vang như chuông; ngồi như hùm ngồi! Kẻ thức-già biết là bậc người cực sang! Kịp khi lớn, thông-minh, khôn, khỏe, vượt hẳn bọn tầm-thường; làm Phụ-đạo làng Khả-lam.

Khi ấy Nhà-vua sai người nhà cày ruộng ở xứ Phật-hoàng động Chiêu-nghi. Chợt thấy một nhà sư già, mặc áo trắng, từ thôn Đức-tê đi ra, thờ dài mà rằng:

- Quý-hoá thay phiên đất này! Không có ai đáng dận!

Người nhà thấy thế, chạy về thưa rõ với Nhà-vua, Nhà-vua liền đuổi theo tìm hỏi chuyện đó.

¹ Xem lời văn chữ Hán, đoạn này khác hẳn với đoạn trên, chắc của người sau thêm vào. (Dịch-giả chú).

Có người báo rằng:

- Sư-già đã đi xa rồi.

Nhà-vua vội đi theo đến trại Quân-đội, huyện Cổ lôi, (tức huyện Lôi-dương ngày nay) thấy một cái thẻ tre, đề chữ rằng:

Thiên đức thụ mệnh.

Tuế trung tứ thập.

Số chi dĩ định,

Tích tai vị cập.

Nghĩa là:

"Đức trời chịu mệnh,

"Tuổi giữa bốn mươi!

"Số kia đã định,

"Chưa tới ... tiếc thay!"

Nhà-vua thấy chữ đề mừng lắm, lại vội vàng đi theo. Khi ấy có rồng vàng che cho nhà vua! Bỗng nhà sư bảo nhà vua rằng:

- Tôi từ bên Lào xuống đây, họ Trịnh, tên là sư núi Đá-trắng. Hôm thấy ông khí-tượng khác thường tất có thể làm nên việc lớn!

Nhà-vua quỳ xuống thưa rằng:

- Mạch đất ở miền đệ-tử tôi sang-hèn ra thế nào xin thầy bảo rõ cho?

Nhà sư nói:

- Xứ Phật-hoàng thuộc động Chiêu-nghi, có một khu đất chừng nửa sào, hình như quả quốc-ấn. Phía tả có núi Thái-thất, núi Chí-linh (ở miền Lão-mang); bên trong có đồi đất Bạt-tiên. Lấy thiên sơn làm án (ở xã An-khoái). Phía trước có nước Long-sơn, bên trong có nước Long-hồ là chỗ xoáy tròn ốc (ở thôn Như-ứng). Phía hữu nước vòng quanh tay Hồ. Bên ngoài núi râu chuỗi hạt trai. Con-traoi sang không thể nói được. Nhưng con-gái phiến có chuyện thất tiết. Tôi sợ con-cháu ông về sau, có thể phân cư. Ngồi vua có lúc Trung-hưng. Mệnh trời có thể biết vậy. Nếu thầy giỏi biết lắng lại, thì trung hưng được năm trăm năm.

Nhà sư nói rồi, Nhà-vua liền đem đức Hoàng-khảo táng vào chỗ ấy. Tới giờ Dần, về đến thôn Hạ Dao-xá nhà sư bèn hóa bay lên trời! Nhân lập chỗ ấy làm điện Du-tiên. Còn động Chiêu-nghi thì làm am nhỏ (tức là nơi một Phật-hoàng). Đó là gốc của sự phát-tích vậy.

Khi ấy Nhà-vua cùng người ở trại Mục-sơn là Lê-Thận cùng làm bạn keo sơn. Thận thường làm nghề quặng chài. Ở xứ vực Ma-viện, đêm thấy đáy nước sáng như bó đuốc soi. Quặng chài suốt đêm, cá chẳng được gì cả. Chỉ được một mảnh sắt dài hơn một thước, đem về để vào chỗ tối. Một hôm Thận cúng giỗ (ngày chết của cha mẹ) Nhà-vua tới chơi nhà. Thấy chỗ tối có ánh-sáng, nhận ra mảnh sắt, Nhà-vua bèn hỏi:

- Sắt nào đây?

Thận nói:

- Đêm trước quặng chài bắt được.

Nhà-vua nhân xin lấy. Thận liền cho ngay. Nhà-vua đem về đánh sạch rỉ, mài cho sáng, thấy nó có chữ "Thuận-thiên", cùng chữ "Lợi".

Lại một hôm, Nhà-vua ra ngoài cửa, thấy một cái chuôi gươm đã mài-dũa thành hình, Nhà-vua lạ trời khẩn rằng:

- Nếu quả là gươm trời cho, thì xin chuôi và lưỡi liền nhau!

Bèn lấy mảnh sắt lắp vào trong chuỗi, bèn thành ra chuỗi gươm.

Tới hôm sau, lúc đêm, trời gió-mưa, sớm ngày mai, Hoàng-hậu ra trông vườn cải, bỗng thấy bốn vết chân của người lớn, rất rộng, rất to. Hoàng-hậu cả kinh, vào gọi Nhà-vua ra vườn, được quả ấn báu, lại có chữ Thuận-thiên (sau lấy chữ này làm niên-hiệu) cùng chữ Lợi. Nhà-vua thăm biết ấy là của trời cho, lòng lấy làm mừng, giấu-giếm không nói ra¹.

Khi ấy Hồ Quý Ly cướp nhà Trần, lấn ngôi vua, đổi hiệu nước là "Đại Ngu". Lại làm nhiều điều lầm-lỡ về chính-trị, mấy lần để thiếu các đồ cống.

Năm Giáp-ngọ (1414), thứ mười-hai hiệu Vĩnh-lạc (niên-hiệu của vua Thành-tổ nhà Minh), vua Minh sai bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh, Trần Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Lý Bân, Phương Chính qua cửa ải lấn chiếm nước ta.

Nhà-vua tuy gặp đời rối-loạn, mà chí giữ càng bền; lẩn dấu ở núi rừng làm nghề cày cấy; tự mình vui với Kinh, Sử, nhất là càng chuyên tâm về các sách Thao Lược; hậu-đãi các tân khách; chiêu-nạp kẻ trốn, kẻ làm phản; ngầm nuôi ác kẻ mưu-trí; bỏ của, phát thóc để giúp cho kẻ cô-cút, nghèo-nàn; hậu lễ, nhún lời, để thu bọn anh-hùng hào-khiết; đều đợc lòng vui-vẻ của họ.

Khi ấy có người thôn Hào-lương ở cùng huyện, tên là Đổ Phú, tranh-dành với Nhà-vua, đem kiện với tướng giặc Minh. Viên quan khám-ét, cho lý của Nhà-vua là phải, xử cho được kiện. Đổ Phú nhân lấy việc đó làm thù, bèn đem của đút cho giặc Minh. Giặc Minh bức Nhà-vua. Nhà-vua cùng Lê Liễu chạy đến bên sông Khả-lam, bỗng thấy một người con-gái nằm chết, mình còn mặc chiếc áo trắng, cùng đeo thoa vàng, xuyên vàng. Nhà-vua cùng Liễu ngửa mặt lên trời khẩn rằng:

- Tôi bị giặc Minh bức-bách, xin phù-hộ cho tôi thoát nạn này, ngày sau được Thiên-hạ, xin lập làm miếu thờ, để có cỗ-bàn, cúng nường trước hết!

Đắp mả chưa xong thì giặc xua chó ngao đến. Nhà-vua cùng Liễu chạy vào bọng cây đa! Giặc lấy mũi giáo nhọn đâm vào, trúng vào vết bên tả của Liễu, Liễu bốc cát cầm vuốt vào lưỡi giáo, cho khỏi có vết máu. Tự-nhiên bỗng thấy con cáo trắng chạy ra! Chó ngao liền đuổi cáo. Giặc không ngờ bèn kéo đi. Nhà-vua mới được thoát (đến khi bình-định thiên-hạ rồi, phong vị thần Áo-trắng làm Hoảng-hựu Đại-vương; phong cho cây đa làm Hộ-quốc Đại-vương; tới nay dấu-tích ấy hãy còn)².

Từ đó tướng giặc ngày càng kiêu-kỳ, thế giặc ngày càng rộng-rỡ! Giam, giết kẻ trung-lương; hành-hại bọn cô-cút. Trong nước than-phiền, nhân-dân không sao sống nổi! Chính-lệnh ngặt-nghèo, hình-phạt tàn-ác, không cái gì là chúng không làm. Cấm muối, mắm, để cho dân thiếu ăn; nặng sưu-thuế để cho dân hết của! Lặn bể tìm ngọc, khoét núi lấy vàng. Ngà voi, sừng tê, gỗ thơm, lông trả, ... Phàm ta có bao nhiêu sản-vật, chúng tất hết sức lùng tìm, không cái gì là bỏ sót, để cho đầy ham muốn, tui tham. Phàm ta có bao nhiêu nhân-dân, chúng tất kiếm phương lừa-dối, đem dời đi nơi xa, để cho hả lòng lang, dạ thú! Lại đắp hơn mười tòa thành, chia quân đóng giữ, để trấn-áp lòng người. Khiến cho những trang mưu-trí của ta, cất tay, động chân không được! Lại khéo định ra danh-mục, bắt hiếp phải làm quan, giả-vờ cho vào châu, để ở luôn đất Bắc! Chỉ có Nhà-vua bền giữ lòng xưa, không bị quan-tước dỗ-dành; không chịu oai-thế hà-hiếp. Tuy giặc có khéo-léo, khôn-ngoan nhiều ách, mà tráng-chí của Nhà-vua, trước sau vẫn chẳng chịu chùng! Thế nhưng trong khi thế giặc còn mạnh, chưa dễ đánh được nào. Nhà-vua thường hậu lễ, nhún lời, đem nhiều vàng, bạc, của báu, đút lót cho các tướng giặc là bọn Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ; mong thư bớt tấm lòng hăm-hại Nhà-vua; để Nhà-vua được đợi thời, lừa dịp.

Đảng của giặc là Lương Nhữ Hốt bàn với bọn giặc, nói rằng:

¹ Cả ba đoạn "được đất, được gươm, được ấn", lời văn dốt-nát, có chỗ không thành câu, chắc là của người sau thêm vào. (Dịch-giả chú).

² Đoạn này chắc cũng của người sau thêm vào, ít ra là hồi sửa lại. (Dịch-giả chú).

- Chúa Lam-sơn chiêu vong, nạp bạn, đãi quân-lính rất hậu, chí nó chẳng nhỏ. "Nếu thường-luồng gặp được mây-mưa, thì tất không phải là vật ở trong ao đâu!". Nên sớm trừ đi, đừng để sau sinh vạ!

Năm Mậu-tuất (1418) khi ấy Nhà-vua ba mươi ba tuổi, khởi quân-nghĩa ở Lam-sơn. Ngày mồng-chín tháng giêng, bị giặc vây bức, bèn lui về đóng ở Lạc-thủy, đặt quân phục để đợi. Ngày mười-ba, giặc kéo quân đến đông. Nhà-vua tung cả quân phục ra, xông đánh quân giặc. Cháu Nhà-vua là Lê Thạch, cùng bọn Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý, đánh hãm vào trận giặc trước, chém được hơn ba nghìn đầu. Quân-lương, khí-giới, cũng bắt được kể nghìn!

Ngày mười-sáu, có tên bày-tôi làm phản, tên là Ái (người trại Nguyệt-ấn), cùng với Đỗ Phú dẫn quân Minh đào lấy tiểu đưng hài-cốt ở xứ Phật-hoàng, treo ở sau thuyền, hẹn Nhà-vua phải ra hàng. Nhà-vua sai Trịnh Khả, Lê Bí (người thôn Hắc-lương), hai người, đội cò, bơi xuống đến bến thôn Thượng-rao-xá, rình giặc ngủ say, lên thuyền ăn trộm được tiểu xương đem về trình Nhà-vua. Nhà-vua mừng rỡ, trọng thưởng hai người, rồi rước về xứ Phật-hoàng, lại táng y theo chỗ cũ.

Hôm sau bị tên Ái dẫn lối, đem giặc Ngô đánh úp quân Nhà-vua, bắt được vợ, con, cùng người nhà của Nhà-vua rất nhiều! Quân của Nhà-vua không còn lòng hăng-hái muốn đánh, thật là cùng-khốn ngặt-nghèo! May nhờ có các bậc trung-thần là bọn Lê Lễ, Lê Văn, Lê Bí, Lê Xí, Lê Đạp, theo Nhà-vua lẫn-lút vào trong núi Chí-linh. Tuyệt lương hai tháng trời! Đợi khi giặc đem quân lui, mới lại về đắp lũy ở quê cũ là Lam-sơn. Nhà-vua thu lại tàn quân, chỉ chừng hơn trăm người! Lại đem quân Mường ở Lam-sơn, trai, gái, khiêng gánh lương-thực. Ra vào nơi hiểm-hóc; phủ-dụ các quân-lính; ước-thúc lại cơ đội, sửa-sang lại khí-giới. Quân lính cảm-khích, thề không cùng sống với quân giặc! Nhà-vua biết quân-lính ấy có thể dùng được, bèn sai bọn binh lanh-lẹ ra khiêu chiến trước. Giặc cậy mạnh, vào cả đất hiểm để bức Nhà-vua. Nhà-vua đặt quân phục ở xứ Vãn-mang, dùng tên thuốc bắn hai bên, giặc mới tan chạy. Nhà-vua lại tiến quân đến xứ Ninh-mang, ngày đêm xông đánh, quân giặc lại bị thiệt-hại. Giặc lui giữ xã Bà-lạc-thượng. Nhà-vua lại tiến quân tới trại Hà-đả, hằng ngày khiêu-chiến. Giặc ở vững trong trại không ra.

Hôm sau, giặc lại giao-chiến với Nhà-vua ở xứ Mỹ-mỹ. Bắt được tướng chỉ-huy của giặc là Nguyễn Sao, và chém được hơn nghìn đầu.

Khi ấy quân ta chỉ mới được nhỏ, mà thế giặc đương mạnh, Nhà-vua bèn vời các tướng mà bảo rằng:

- Ai có thể thay mặc áo vàng của Trẫm, lĩnh năm trăm quân, hai thớt voi, đánh vào thành Tây-đô. Thấy giặc ra đối-địch, thì tự xưng tên: "Ta là chúa Lam-sơn đây!". Để cho giặc bắt? Cho ta được náu mình, nghỉ binh, thu-hợp cả quân-sĩ, để mưu tính việc về sau!

Các tướng đều không dám nhận lời. Chỉ có Lê Lai thưa rằng:

- Tôi bằng lòng xin thay mặc áo Nhà-vua. Ngày sau Bệ-Hạ gây nên Đễ-nghiệp, có được thiên-hạ, thương đến công tôi, cho con-cháu muôn đời được chịu ơn nước. Đó là điều tôi mong mỏi!

Nhà-vua lạ Trời mà khấn rằng:

- Lê Lai có công thay đổi áo. Sau này trẫm cùng con-cháu, và các tướng-tá, hay con-cháu các công-thần, nếu không thương đến công ấy, thì xin đền-đài hóa ra rừng núi; ấn-vàng hóa ra đồng sắt; gương thần hóa ra đao-binh!

Nhà-vua khấn xong, Lê Lai liền đem quân đến cửa trại giặc khiêu-chiến.

Giặc cậy quân mạnh xông đánh. Lê Lai cưỡi ngựa, phi vào giữa trận giặc, nói rằng:

- Ta đây là chúa Lam-sơn!

Giặc bèn xúm lại vây, bắt lấy đem về trong thành, xử bằng hình-phạt cực ác, ra hẳn ngoài những tội thường làm!

Năm Kỷ-hợi, (1419), Nhà-vua ở Lam-sơn, cùng các tướng tá, tu-tạo thành-lũy, chữa-sửa khí-giới, phủ-dụ và chu-cấp các quân-sĩ, nuôi oai chứa mạnh, chưa rồi đến việc chiến đấu.

Năm Canh-tý, (1420) năm ấy giặc Minh lại đem thật đông quân đến. Nhà-vua liệu giờ Mùi chúng tất đến bến Bồng. Nhà-vua đặt trước quân phục để đợi. Giờ Mùi, quả-nhiên quân giặc tới đông, quân phục bốn mặt nổi dậy. Bọn giặc vỡ to. Quân ta chém đầu không biết bao nhiêu mà kể, bắt được hơn trăm con ngựa. Các khí-giới của giặc, nhất thời bị đốt hết.

Cùng năm ấy, giặc nước ta tên là Cầm Lạn, dẫn đường cho các tướng Minh là bọn Lý Bân, Phương Chính, đem hơn mười vạn quân, từ địa-phương của Cầm Lạn, tiến thẳng vào Thôi-mang, để đánh Nhà-vua. Nhà-vua trước hết sai bọn Lê Triệu, Lê Lý, Lê Vãn, đem vài trăm người, mai-phục ở xứ Bô-mộng để đợi. Giặc đến, quân phục đều nổi dậy. Quân giặc vỡ to. Quân ta chém được hơn ba trăm đầu. Giặc cậy quân còn mạnh, tiến sát đến dinh Nhà-vua. Nhà-vua trước hết chia quân ra mai-phục ở những chỗ hiểm-yếu.

Ngày mai giặc đến, Nhà-vua tung quân ra đánh, cả phá ở xứ Bô-thi-lang, chém hơn nghìn đầu. Bọn Lý Bân, Phương Chính, chỉ chạy thoát được thân! Quân ta thừa thắng xô đuổi, luôn sáu ngày đêm mới trở về. Nhà-vua lại tiến quân đóng ở trại Ba-lãm thuộc Lỗi-giang, trên giặc ra đánh. Giặc không dám ra! Tướng giặc là bọn Tạ Phương, Hoàng Thành, lui đóng đồn ở Nga-lạc. Rồi về giữ Quan-du và thành Tây-đô, đóng bền ở trong trại không chịu ra! Nhà-vua ngày đêm tìm nhiều cách xông đánh để quấy rối và làm mệt quân giặc. Lại chia quân sai bọn Lê Hào, Lê Sát, tiến đánh trại Quan-du, cả phá được giặc, chém hơn nghìn đầu, bắt được khí-giới của giặc rất nhiều.

Từ đó thế giặc ngày một suy. Nhà-vua bèn chiêu phủ nhân-dân ở các miền trong nước, không đâu là không hưởng ứng. Cùng nhau góp sức, tiến đánh các đồn, đốt phá các dinh, trại.

Năm Tân-sửu (1421), ngày hai-mươi tháng mười một, tướng giặc là bọn Trần Trí, đem quân giặc cùng đảng giặc người bản-thổ, tất cả hơn mười vạn, lại tiến đến sát đánh Nhà-vua ở ải Kinh-lộng, trại Ba-lãm. Nhà-vua hội các tướng bàn rằng:

- Nó đông, ta ít: nó mỏi-mệt, ta nhàn-hạ. Binh-pháp dạy rằng: "Được, thua quan-hệ ở tướng, chứ không do ở ít hay nhiều". Quân nó dù đông, nhưng ta đem quân nhàn-hạ để đón quân mỏi-mệt, thì quyết là phá được!

Bèn đem chia quân ra đánh úp trại giặc. Thúc trống, hò reo, cùng tiến sát đánh vào trại giặc, chém được hơn nghìn đầu. Quân-lương, khí-giới, bắt được rất nhiều!

Sau giặc biết ta ít quân, hơi có ý coi thường ta. Lại mở đường núi tiến vào. Nhà-vua ngầm phục quân ở ải Ứng là nơi hiểm-trở để đợi chúng. Giờ ngọ, quân giặc từ đường núi kéo ra, Nhà-vua tung quân đánh giáp hai bên, quân giặc quả-nhiên thua lớn.

Nguyên xưa Nhà-vua giao-hào với Ai-lao không hề có điều gì xích-mích. Nhưng bị tên Lộ văn Luật, làm quan với giặc, trốn sang nước ấy, du-thuyết để làm kế phản-gián. Vì thế nước Lào hiểm-khích với Nhà-vua. Khi ấy Nhà-vua cầm cự với giặc Ngô, được thua chưa quyết. Kịp khi giặc thua chạy, Ai-lao liền đem vài vạn quân, một trăm thớt voi, thỉnh lĩnh đến trại ta, giả-vờ sang giúp ta; nói phao lên rằng cùng ta góp sức đánh giặc. Nhà-vua thật bụng tin người, không ngờ-vực gì khác. Nào dè nó mặt người dạ thú, nghe mưu-gian của Lộ văn Luật, đem đánh úp trại ta. Nhà-vua thân ra đốc chiến, tự giờ Tý đến giờ Mão. Quân-lính đua sức tranh nhau tiến trước, cả phá được chúng, chém hơn vạn đầu; bắt được voi mười bốn thớt; quân-lương, khí-giới, lấy vạn mà kể! Thừa thắng đuổi theo, đi luôn bốn ngày đêm, tới thẳng nơi sào-huyệt của chúng. Viên tù-trưởng của chúng tên là Bồ Sát vờ xin giảng-hòa, nhưng thực thì muốn cố-gắng giảng-giai, để đợi viện-binh. Nhà-vua đoán biết mưu gian không cho. Nhưng các tướng cố nài, cho là quân-lính mỏi-mệt lâu ngày, hãy nên tạm nghỉ ngơi. Chỉ có con người anh con bác của Nhà-vua là Lê Thạch, một mình hăng hái xông đánh, không đoái-hoài chi cả, lờ dẫm phải chông mà mất!

Thạch sức khỏe hơn người, tính trời nhân-ái. Lại rất ham học và khéo nuôi dạy quân-lính. Nhà-vua rất đem lòng yêu. Và chẳng người bác xưa từng nuôi Nhà-vua làm con, nên Nhà-vua yêu Thạch còn hơn con mình. Cất riêng làm tướng Tiên-phong. Đánh đâu được đấy! Chỉ đáng tiếc là "có khỏe nhưng ít có mưu" mà thôi!

Năm Nhâm-dần (1422) ngày hai-mươi-bốn tháng chạp, giặc Ngô lại cùng Ai-lao hện nhau, bên trước mặt, bên sau lưng, chệt đánh Nhà-vua ở trại Da-quan. Quân ta đánh luôn, nhiều người bị thương,

hơi có thiệt hại. Bèn ngằm rút về trại Khôi, yên-ủi lính-tráng, sửa-chữa khí-giới, để đợi quân giặc. Vừa được bảy ngày quả-nhiên giặc kéo đến. Nhà-vua bảo các tướng-sĩ rằng:

- Giặc tới vây ta bốn mặt, muốn chạy thì chạy đi đâu! Đây tức là nơi mà binh-pháp gọi là "đất chết". Đánh mau thì còn! Không đánh mau thì mất!

Nói rồi sa nước mắt. Các tướng-sĩ đều cảm-khích thi nhau liều chết đánh giặc. Bọn Lê Lĩnh, Lê Vấn, Lê Hào, Lê Triện, chính mình xông vào trận trước, bắt được tướng giặc là Phùng Quý. Quân giặc thua lớn. Mã Kỳ, Trần Trí chỉ chạy thoát được thân! Ta chém được hơn nghìn đầu, bắt được hơn trăm ngựa.

Thế rồi Nhà-vua lại thu quân về núi Chí-linh. Quân-lính thiếu-lương ăn đến hơn hai tháng, chỉ đào củ, dẫn măng, hái rau để ăn mà thôi!

Nhà-vua giết bốn thớt voi, cùng ngựa của mình cưỡi, để cho quân-lính ăn. Nhưng thường thường vẫn có kẻ trốn đi! Nhà-vua liền ra lệnh bó-buộc thật ngặt; bắt được viên tướng trốn đi tên là Khanh, liền chém đầu đem rao. Các tướng lại nghiêm-trang như cũ.

Khi ấy gặp luôn những việc gian-nan, quân-sĩ mỏi-mệt, muốn được nghỉ-ngơi, đều khuyên Nhà-vua nên hòa với giặc. Nhà-vua cực chằng-đã, bèn giả-vờ hòa-hảo, cho sứ đi lại với tướng giặc là bọn Sơn Thọ, Mã Kỳ.

Mà giặc bị ta đánh thua luôn, ý cũng muốn lấy mưu dụ Nhà-vua. Nhà-vua cũng nhân nó muốn dụ mình, định hãy cho quân-sĩ nghỉ-ngơi, đợi thời mà làm việc.

Năm Quý-Mão (1423), tháng tư, ngày mồng mười, Nhà-vua lại đem quân về Lam-sơn. Giặc biết ý Nhà-vua: bề ngoài giả-vờ hòa-thân mà bên trong có bụng muốn đánh-úp; từ đó tuyệt đường đi lại, hai bên không có tin-tức, sai sứ sang nhau nữa. Binh-tình bên giặc nôn-nao, ngày đêm sợ-hãi. Nhà-vua dò biết chuyện ấy.

Khi ấy có cháu ngoại của họ Trần, tên là Cầm Quý, lánh họ Hồ, trốn vào rừng núi, xưng là dòng dõi vua Trần. Nhà-vua bèn đón về dựng làm vua, lấy hiệu là Thiên-khánh. Nhà-vua đánh-chơi với giặc, cay-đắng, khó-khăn. Đến khi Thiên-hạ sắp yên, chỉ có Đông-kinh là chưa hàng, bấy giờ Thiên-khánh ở thành Cổ-lộng. Nhà-vua ủy cho con trai của Tư-quận-công Lê Lăng là Lê-Ngang, giữa thành và túc-trực.

Thiên-khánh thấy Nhà-vua dẹp yên giặc Ngô, rất là sợ-hãi, bèn trốn vào Nghệ-an. Lê Ngang đuổi theo bắt được đem về.

Nhà-vua hỏi rằng:

- Đã được lập lên làm vua, cơ sao lại sinh lòng kia khác mà đi trốn?

Thưa rằng:

- Quả-nhân không có công gì! Tướng-quân thì công trùm cả thiên-hạ! Ai là người trông được cây để cho kẻ khác ăn sẵn quả? Nên sợ chết mà trốn, chứ không có ý gì khác! Nay xin cho được toàn thân mà chết!

Nhà-vua thấy nói thế còn chưa nỡ!

Các quan nói:

- "Trời không hai mặt trời! Nước không hai vua!".

Bèn cho hãm được tự thắt cổ.

Năm Giáp-thìn (1424) ngày hai-mươi tháng chín, Nhà-vua chia quân đánh úp thành Đa-căng, phá được thành. Quân giặc bị chém đầu và chết đuối có hơn nghìn người.

Viên Tham-chính của giặc là Lương Nhữ Hốt chỉ chạy thoát được thân. Ta bắt được lương-thực, khí-giới không biết bao nhiêu mà kể. Trại, lũy của giặc, bị đốt cháy hết!

Chốc lát, tướng giặc là Hoa Ảnh lại đem quân đến cứu. Nhà-vua thừa thắng đánh tràn, giặc lại thua to, chạy vào thành Tây-đô. Phàm vợ, con của giặc bị bắt, không nỡ giết hại một người nào, đều thả về tất cả.

Rồi đó kén-lựa trai tráng, sắm-sửa khí-giới, chinh-tề voi, ngựa, tiến thẳng vào Châu Trà-long, (tức phủ Trà-lân ngày nay) thuộc thành Nghệ-an.

Gần tới xứ Bồ-lạp, thành-linh gặp tướng giặc là Sư Hựu, cùng bọn làm quan với giặc là Cầm Bành Cầm Lạn, lĩnh hơn năm nghìn người, đón chẹn lối trước mặt. Lại có bọn tướng-giặc là lũ Trần Trí, Phương Chính, Sái Phúc, Lý An, đem quân tiến sát phía sau. Quân ta trước bụng, sau lưng, đều bị có giặc. Mặt trời lại sắp chiều. Nhà-vua bèn dàn quân, dàn voi để đợi. Trong chốc lát, quân giặc quả tới nơi. Nhà-vua tung quân-phục ra xông đánh. Quân của bọn Phương Chính vỡ to. Ta chém hơn nghìn đầu, và bắt được hơn trăm ngựa.

Ngày mai, Nhà-vua lại đem voi và quân-lính xông thẳng vào trại của bọn Sư Hựu. Quân giặc lại thua to. Ta chém hơn nghìn đầu. Quân-lương, khí-giới, đốt cháy không còn sót.

Khi ấy bọn Cầm Bành là trùm-trưởng của giặc, đóng giữ đất ấy, không chịu hàng-phục. Nhà-vua chiêu-dụ nhân-dân trong miền, khiến trở lại nghiệp xưa. Ai nấy đều mừng được yên thân, đem lòng cảm-khích, hăng-hái giúp Nhà-vua hết sức vây Cầm Bành. Hơn hai tháng, Cầm Bành giữ bền ở trong núi, để đợi quân cứu-viện của giặc. Nhưng giặc hất-hải, ngờ-sợ, vẫn không dám tiến. Quân của Bành oán mà làm phản, kể nhau đến hàng. Bành tự xét mưu-chước đã cùn, viện-binh đã tuyệt, liền mở cửa trại ra hàng.

Nhà-vua ra lệnh với trong quân rằng:

- Tướng giặc đã hàng, may-may cũng không được xâm-phạm. Bất cứ tội to, tội nhỏ, đều xá cho hết!

Về sau Cầm Bành lại sinh lòng khác, đêm trộm quân trốn đi. Nhà-vua sai người đón đường bắt được liền xử chém! Thế là dẹp được châu Trà-long. Nhà-vua bèn ủy-lạo các tù-trưởng, phủ-dụ các nhân dân. Ai nấy đều cảm ơn đội đức, xin ra sức lập công. Bèn biên-soát các tay trẻ khỏe, thu vào trong quân ngũ, được hơn năm nghìn người.

Khoảng niên-hiệu Hồng-hy bên nước Minh, giặc lại cùng với các Nội-quan (quan Hoạn được cắt đi giám-quân) là lũ Sơn Thọ đem lời quý-quyết, để dỗ-dành Nhà-vua. Nhà-vua đã biết trước ý ấy, liền nói:

- Giặc sai lừa ta, ta phải nhân khoé của bên địch mà dùng nó!

Bèn cho sứ đi lại, dò xét tình-hình quân giặc, để mưu đánh úp thành Nghệ-an. Giặc biết mưu ấy, bèn không đi lại nữa.

Thế là Nhà-vua liền chinh-đốn thật nhiều ngựa, voi, quân-lính, tiến cả về mặt thủy, lẫn mặt bộ, đánh úp thành Nghệ-an.

Quân sắp đi, xảy có tin báo: giặc đã đem khá nhiều voi, ngựa, thuyền-bè; mặt thủy, mặt bộ đều tới.

Nhà-vua hội các tướng bàn rằng:

- Quân địch đông, quân ta ít, đem ít đánh đông chỉ ở những đất hiểm là có thể lập được công. Và chẳng binh-pháp nói: "Nhử người tới, chứ không để người dữ tới".

Bên chia hơn nghìn quân, sai bọn Lê Liệt theo đường tắt giữ huyện Đỗ-gia, cướp thế tranh tiên của giặc. Còn Nhà-vua thì chính mình cầm đại-quân, đóng giữ vào nơi hiểm-trở để đợi.

Chừng ba, bốn ngày, giặc đem hết cả quân, mặt thủy, mặt bộ đều tới ải Khá-lưu, đắp lũy, đóng trại, ở miệt dưới. Nhà-vua ở miệt trên, dương cờ, đánh trống, đêm thì đốt lửa. Lại ngầm sai quân tinh-nhuệ và bốn thốt voi, qua sông phục nơi hiểm-yếu.

Trời sắp sáng, giặc bèn dẫn quân, trên cạn, dưới sông đều tiến, để đánh dinh-trại của Nhà-vua. Nhà-vua giả vờ lui, như giặc vào chỗ có quân phục. Giặc không ngờ, đem hết quân vào sâu. Quân phục bốn mặt nổi lên, xông đánh, cả phá được trận giặc. Giặc bị chém đầu và chết đuối lấy vạn mà kể.

Thế rồi giặc tựa núi, đắp lũy để ở, không lại ra đánh nữa.

Khi ấy lương giặc khá nhiều, mà quân ta không đủ ăn lấy mười ngày. Nhà-vua liền bảo các tướng-sĩ rằng:

- Quân giặc nhiều lương, đắp lũy để làm kế lâu dài. Quân ta ít lương không thể giữ giăng-giai được với nó.

Bèn đốt hết dinh, trại, nhà-cửa, vờ trốn lên miệt trên. Và đi ngầm đường tắt, đợi giặc đến thì đánh. Giặc cho là ta đã chạy, bèn đem quân lên đóng vào dinh-trại cũ của ta, lên núi đắp lũy. Hôm sau Nhà-vua thân đem quân lạnh-lẹ ra trên đánh. Giặc kéo ra ngoài lũy giao chiến. Nhà-vua đem kén quân tinh-nhuệ, phục ở chỗ hiểm. Giặc lại không ngờ, đem hết cả quân ra, Nhà-vua liền tung quân xông phá trận giặc. Bọn Lê Sát, Lê Văn, Lê Bí, Lê Lễ, Lê nhân Chú, Lê Ngân, Lê Chiến, Lê tông Kiều, Lê Khôi, Lê Bôi, Lê văn An, đều thi nhau hãm trận. Giặc vỡ to thua chạy, bị chém đầu không thể đếm xiết. Thuyền giặc trôi nghiêng, thân chết đuối tắc cả dòng sông. Khí-giới vất đây ra giữa núi. Bắt sống được tướng giặc là Chu Kiệt, chém được Tiên-phong của giặc là Hoàng Thành. Trói được quân giặc hơn nghìn người. Thừa thắng đuổi dài, ba ngày đêm, thẳng tới thành Nghệ-an. Giặc vào trong thành, đắp thêm lũy, cố giữ.

Hết cuốn thứ nhất

Lam Sơn Thực Lục

Cuốn thứ hai

Năm Ất-tỵ (1425), ngày hai mươi-lăm tháng giêng, Nhà-vua tới Nghệ-an, ra lệnh cho các tướng rằng:

- Dân ta khổ với quân nghịch-tặc đã lâu. Phàm đến châu, huyện nào, tư hào không được xâm phạm.

Nhân-dân không ai không mừng-rỡ, thi nhau đem trâu, rượu, đón khao, để giúp vào việc dùng trong quân. Nhà-vua bèn đem chia cho các tướng cùng lính-tráng. Ai nấy đều nhảy-nhót, xin đem sức liều chết. Thế rồi Nhà-vua tiến vào Nghệ-an. Trong khoảng một tuần, quân-lính họp đủ, cùng nhau góp sức.

Tới thành cửa sông Hưng-nguyên, chỗ ấy có đền thờ thần, (tục gọi là thần Quả). Nhà-vua đêm chiêm bao thấy thần-nhân nói với Nhà-vua rằng: "Xin một người vợ lẽ của Tướng-quân sẽ xin phù-hộ Tướng-quân, đánh được giặc Ngô, để gây nên nghiệp ĐẾ". Ngày mai Nhà-vua vời các vợ lẽ đến hỏi rằng:

- Ai chịu làm vợ lẽ cho Thần? Ta được Thiên-hạ sẽ truyền cho con làm Thiên-tử!

Khi ấy mẹ vua Thái-tông húy là Trần thị Ngọc Trần, quỳ xuống nói với Nhà-vua rằng:

- Túc hạ giữ đúng lời giao-ước, thiếp xin chịu nhận việc ấy. Ngày sau chớ phụ con thiếp.

Nhà-vua giao-ước với các quan văn, võ, y như lời ấy. Ngày 24 tháng ba, Nhà-vua giao Ngọc Trần cho thần Phổ Hộ bắt lấy, chết ngay trước mắt! Đến khi bình giặc Ngô, Nhà-vua lên ngôi, nói rằng: "Ta là chúa Bách Thần!". Sai người động Nhân-trăm là Lê Cố đem hài-cốt về đến xã Thịnh-mỹ. Chiều đến chưa kịp qua sông, ngủ ở nơi chợ! Một đêm mỗi đùn thành đồng đất, lấp lên huyệt thành mộ. Sứ-giả thấy điềm lạ về tâu.

Nhà-vua nói:

- Thần-nhân đã y lời hẹn!

Liên truyền ở lại nơi ấy, lập điện Hiến-nhân để phụng thờ. Ấy là đức Cung-từ Hoàng Thái Hậu¹.

Nhà-vua vây thành Nghệ-an. Giặc giữ bền trong trại, không dám ra nữa. Thế là đất toàn hạt Nghệ-an là của ta có hết!

Nhà-vua huấn-luyện tướng-sĩ, sửa-sang khí-giới chưa đầy mười ngày, chiến-cụ đã đầy đủ.

Ngày rằm tháng tư năm ấy, tướng giặc là Lý An lại đem quân thủy từ Đông-đô tới cứu-viện. Nhà-vua đoán thế giặc đã cùn-quẫn, hằng ngày đợi viện binh tới, tất nhiên là mở cửa trại ra đánh. Bèn phục quân ở bờ sông, đợi quân giặc nửa sang sông thì đổ ra đánh.

Đến ngày hai-mươi-bảy, quân giặc quả-nhiên đại-đội kéo ra, đánh trại Lê Thiệt. Quân phục của Nhà-vua đổ ra đánh cho vỡ to! Chém hơn nghìn đầu. Quân chết đuối rất nhiều.

Từ đó giặc càng sợ-hãi, lại đắp thêm lũy, họp sức chống giữ.

¹ Cả đoạn văn viết đã không thông, sự-thực lại vô lý: Quan Khâm-sai nào lại ngủ ở chợ? Hài-cốt Hoàng-hậu nào lại vất ở ngoài đồng để cho mỗi đùn? Vay chắc của người sau thêm vào. (Dịch-giả chú).

Nhà-vua nói:

- Quân giặc đến hết cả để cứu Nghệ-an. Các nơi tất là trống rỗng.

Nhà-vua bèn kén hai nghìn tinh-binh, hai thớt voi, sai cháu ngoại là bọn Lê Lễ, Lê Sát, Lê Bị, Lê Triện, Lê nhân Trú, đi suốt ngày đêm, đánh úp thành Tây-đô (Thanh-hóa). Giặc đóng cửa thành chống giữ. Quân ta đánh cho vỡ, bắt được đảng giặc rất nhiều, chém hơn năm trăm đầu. Phàm những dân ở gần thành giặc, tở-hào không xâm-phạm. Từ đó dân cả một lộ Thanh-hóa, cùng thân-thuộc, bạn cũ của Nhà-vua, đều tranh nhau tới cửa trại quân, xin liều mình ra sức, để mưu việc báo đền.

Chưa đầy ba ngày, bộ ngũ đã sắp xong cả, bèn vây thành Tây-đô. Lê Lễ, Lê Triện vỗ về, yên-ủi nhân-dân, dạy-dỗ, luyện-tập quân-sĩ, để tính việc tiến đánh.

Khi ấy thành giặc ở mấy nơi Thuận-hóa, Tân-bình, cùng với Nghệ-an, Đông-đô, tin tức cắt đứt đã lâu. Nhà-vua bảo các tướng rằng:

- Các bậc tướng giỏi đời xưa, bỏ chỗ vững, đánh chỗ núng; lánh chỗ thực, công chỗ hư. Như vậy thì dùng sức có nửa mà được công gấp đôi.

Bèn sai bọn Lê Nỗ, Lê Bồ lĩnh hơn nghìn binh, một thớt voi, ra đánh các thành Tân-bình, Thuận-hóa, và chiêu-mộ nhân-dân. Đến Bá chính gặp giặc, bèn dẫn quân vào chỗ hiểm mai-phục. Khi giặc đến sát quân ta, Lê Nỗ đem một thớt voi, cùng các quân khỏe-mạnh, xông đánh trận giặc. Giặc bị chém đầu và chết đuối hơn nghìn người.

Nhà-vua sai bọn Lê Triện, Lê Bôi, Lê văn An, đem bảy chục chiếc thuyền, vượt bể quấy thẳng vào sào-huyệt của quân giặc. Kịp khi được tin quân nỗ, bèn thừa thắng cả phá được các nơi. Tân-bình, Thuận-hóa, hết thầy thuộc về ta cả. Và chẳng Tân-bình, Thuận-hóa, là nơi tâm-phúc của ta. Đã được đất ấy rồi, tất không còn mối lo nội-cố.

Khi ấy quân giặc tuy chưa diệt hết, nhưng quân ta thanh-thể ngày càng to, lòng người ngày càng vững. Nhà-vua liệu chừng tinh-binh của giặc ở hết cả Nghệ-an, còn các thành Đông-đô, đều đã trống rỗng, yếu-đuối hết thầy, bèn thêm voi, ngựa, quân-lính, sai bọn Lê Triện, Lê Khả, Lê Bí, lĩnh hơn hai nghìn người, ra các lộ Thiên-quan, Quốc-oai, Gia-hưng, Lâm-thao, Tam-đái, Tuyên-quang, cướp lấy đất cát, thu-phục nhân-dân, để tuyệt lối quân cứu-viện ở Vân-nam sang. Lại sai bọn Lê Bị, Lê nhân Chú, lĩnh hơn hai nghìn binh, ra các phủ Thiên-quan, Thiên-trường, Kiến-hưng, Kiến-xương, để chặn đứt đường về của Phương Chính, Lý An. Đã chiếm được các đất ấy rồi, bèn chia quân đóng giữ. Lại sai Lê Bị, Lê nhân Chú, lĩnh hơn ba nghìn quân Thanh-hóa, cùng hai thớt voi, ra các lộ Khoái-châu, Thượng-hồng, Hạ-hồng, Bắc-giang, Lạng-sơn, để ngăn đứt quân cứu viện ở Ôn-khâu.

Lại kén hai ngàn tinh-quân, sai quan Tư-không là Lê Lễ, Lê Xý, đem quân tiến đánh Đông-đô, để phô trương thanh-thể. Quân ta tiến đến đâu, may may không hề xâm phạm. Vì thế các Lộ ở Đông-kinh, cùng các nơi phiên trấn, không ai là không vui mừng, tranh nhau đem trâu, rượu, lương-thực để khao các tướng-sĩ. Khi ấy bọn Lê Triện, Lê Khả, Lê Bí, thường đem quân đi lại, tiến sát thành giặc. Nhưng người ta còn sợ giặc, chưa quy-phục hết.

Năm Bính-ngọ (1426), ngày hai-mươi tháng tám, giặc cậy thế khỏe, cất quân đến đánh. Bọn Triện, Bí đặt quân phục, đánh riết ở Ninh-kiều, cả phá được quân giặc, thừa thắng đuổi theo đến thôn Nhân-mục (tức làng Mộc thuộc tỉnh Hà-đông ngày nay). Trong khoảng vài chục dặm, xác chết chồng lên nhau! Từ đó giặc không dám ra nữa.

Giặc tự liệu thế ngày cùn-quẫn, viện binh lại không đến, bèn đưa "ống thiếc" (?) cáo cấp với Nghệ-an.

Ngày hai-mươi-sáu tháng chín, bọn Phương Chính, Lý An, bỏ thành Nghệ-an mà về, chỉ để lại Sài Phúc, đóng cửa trại cố chết chống giữ.

Bọn An, Chính lật đặt không lên được trên bờ, tự cuời thuyền xuống bể, đêm trốn.

Bên ta trước đã chia quân thủy phục ngầm ở nơi hiểm-yếu, để đón nẻo đường về. Nhưng lúc ấy quân ta thuyền binh còn ít, cho nên bọn An, Chính được thoát thân mà trốn.

Nhà-vua tự liệu thế giặc ngày một yếu, quân ta ngày một mạnh, thời đến chẳng làm, sợ bỏ mất cơ hội. Bèn lựa bọn Lê Lễ, Lê Văn An, Lê Ngân, Lê Sát, Lê Bôi, Lê Lĩnh, Lê Thận, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, vây thành Nghệ-an.

Còn Nhà-vua thì thân đem đại-quân, ngày đêm đi gấp đường, thủy, bộ cùng tiến, theo chân bọn An, Chính. Khi tới thành Tây-đô, đóng dinh, úy-lạo các tướng-sĩ, ban thưởng cho phụ lão trong làng, cùng các người thân-thích quen thuộc. Khi ấy nhân-dân các quận huyện, nghe Nhà-vua đã tới Thanh-hóa, đều hằng-hái đem mình đến cửa dinh, xin ra sức xông-pha, để mong lập chút công tấc, thước.

Tháng mười năm ấy, nước Minh lại sai bọn Tổng-binh là Thành-sơn-hầu Vương Thông, Tham-chính là Mã Ánh, đem năm vạn quân, năm nghìn ngựa, chia đường cùng sang cứu các thành Đông-đô. Mà một vạn quân giặc ở Vân-nam thì sang trước, thẳng tới sông Tam-kỳ, thuận dòng mà xuống. Bọn Lê Khả nghe tin giặc tới, từ Ninh-kiều gấp đường mà tiến, gặp giặc ở cầu Luội (?) đón đánh cho quân giặc thua to, bị chém hơn nghìn đầu, và chết đuối rất đông. Còn tàn quân đem nhau chạy vào thành Tam-giang.

Sau đó tướng giặc là Vương Thông, lại từ Ôn-khâu tiếp đến. Mới trong năm ngày, đem đại quân hợp với hơn mười vạn quân của hai Nội-quan Trần thủ là Sơn Thọ, Mã Kỳ cùng lũ Phương Chính, Lý Lượng, Trần Hiệp, mặt thủy, mặt bộ đều tiến, đánh Lê Triện, Lê Bí, ở các trại Cổ-sở, Độ-ngoại.

Chúng đóng trại chạy dài đến mười dặm, mũ, giáp lòa trời! cờ tàn rợp nội! Tự cho là đánh một trận có thể quét sạch quân ta!

Bọn Lê Triện liệu chống không nổi, bèn cáo cấp với Lê Lễ, Lê Hồi, Lê Chiêu, Lê Xí.

Lê Lễ khi ấy đã phục quân ở Thanh-đàm để đợi giặc. Nghe tin báo của Triện tới nơi, bèn đem hơn ba nghìn quân tinh-nhuệ, và hai thớt voi, đến cứu bọn Triện. Cùng nhau góp sức xông đánh ở mấy nơi Tổ-động, Ninh-kiều, cả phá quân giặc chém Trần Hiệp, Lý Lượng và hơn năm vạn đầu giặc. Quân giặc chết đuối rất đông, bị bắt sống hơn trăm người. Khí-giới, lừa ngựa, bạc, vàng, vải lụa, cùng các xe lương-thảo bỏ lại rất nhiều không thể đếm xiết. Tướng giặc là bọn Vương Thông, Mã Ánh, Mã Kỳ, Sơn Thọ, chỉ chạy thoát được thân, vào thành Đông-đô cố giữ để đợi chết!

Bọn Khả, Lễ, Bí, Xí, thừa thắng tiến thẳng sát thành bỏ vây.

Khi ấy Nhà-vua đương đóng dinh ở Thanh-hóa, hội-hợp các quân ở Hải-tây (?). Kịp khi được thư báo tin thắng trận của Lê Lễ, bèn chính mình cầm đại quân, và hai mươi thớt voi, chia hai đường thủy bộ ngày đêm cố sức tiến.

Tháng mười-một năm ấy, đến cầu sông Luống. Sai bọn Lê Bị lĩnh thủy-quân từ sông nhỏ thẳng tiến lên miệt thượng nguồn. Còn Nhà-vua thì thân đem đại quân, hội-đồng với bọn Lê Lễ, vây thành Đông-đô. Cả mặt thủy, mặt bộ giáp đánh, đêm phá được trại ngoài của giặc, gỡ được hết những người nước ta bị giặc bắt hiếp, cùng cướp được thuyền giặc và khí-giới rất nhiều.

Giặc biết các quân-dân ở phụ thành đều theo về với ta. Xem thế càng ngày càng quẫn, bèn lại đắp thêm tường lũy, cố chết giữ để đợi quân cứu viện.

Nhà-vua tới Đông-đô trong ba ngày đầu, nhân-dân ở kẻ chợ cùng các phủ, huyện, châu và các tù-trưởng ở biên-trấn, đều tấp-nập đến cửa trại quân, xin ra sức liều chết, để đánh thành giặc ở các nơi. Nhà-vua đem lòng son để phủ-dụ, yên-ủi. Bảo cho biết rõ lẽ thuận, nghịch, lui, tới. Phàm sĩ thứ tới cửa trại quân, Nhà-vua đều nhún mình, hậu lễ tiếp đãi. Và đều tùy tài cao thấp, cắt-đặt làm các chức. Đem tước thưởng mà cổ-lệ họ, khiến ai nấy đều tự cố gắng; lấy hình-phạt mà bó-buộc họ, khiến ai nấy đều tự e dè. Vì thế người ta thảy đều nô-nức, thề hết sức liều chết. Nên đến đâu cũng được thành công.

Nhà-vua bèn chính mình đốc các tướng-sĩ đánh thành Đông-đô. Mà giặc thì đánh trận nào thua trận nấy, khí đã nhụt, lòng đã nản, kế đã cùn, viện-binh đã tuyệt! Giặc bèn cho sứ sang giảng hòa, xin cho được đem toàn quân về nước. Nhà-vua xét ý họ đến nói, cũng hợp với lòng Nhà-vua. Và chẳng binh-pháp dạy rằng: "Không đánh mà khuất được quân của người, ấy là mưu hay nhất trong các mưu hay!". Bèn hứa cho, và giao-hẹn với chúng, cần nhất phải đưa thư lấy các quân đóng giữ ở các nơi về. Nhất

thời quân giặc phải họp cả ở Đông-đô, cùng nhau về nước Nhà-vua cũng sắp ngay ngựa, voi, binh-lính, đi lại và giao-thông mua bán với giặc.

Giặc quả y lời hẹn, thân tự tư giã, lấy các quân giặc ở Diễn-châu, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa, họp đủ ở trại Bồ-đề, hẹn ngày về nước, trả lại địa-phương cho ta.

Không ngờ những kẻ làm quan với giặc là lũ Nhữ Linh, Nhữ Hốt, nghiệp dĩ bán nước để lấy chức trọng, quyền cao của giặc, thật là ác sâu tội nặng! Sợ sau khi giặc về, tất không có lý nào sống được, bèn ngầm bày mưu phản gián. Nói rằng: "Xưa kia Ô Mã Nhi thua ở sông Bạch-đăng, đem quân ra đầu hàng, rồi bị ông quận Vạn-kiếp (tức Hưng đạo Vương) dùng mưu đánh lừa. Lấy tàu lớn chở cho về nước. Lại sai bọn người tài lặn, sung làm phu chở tàu. Khi ra ngoài bể, đem rình cho ngủ kỹ bèn lặn xuống nước đục đáy tàu ra cho chết đuối hết, không một người nào được về!". Giặc nghe mưu ấy, bèn sinh lòng ngờ. Mới lại đắp thêm lũy, đào thêm hào, làm kế sống tạm bợ! Bề ngoài nói giảng hòa, bên trong tính mưu khác.

Nhà-vua sợ nó tráo-trở, bèn ở bốn bên cửa thành, ngầm đặt quân phục. Rình giặc ra vào, bắt hơn ba nghìn quân thám-thính của giặc, cùng năm-trăm con ngựa. Từ đó giặc không dám ra nữa. Việc cho sứ đi lại bèn cắt đứt.

Khi ấy quân ta có hơn năm vạn tinh binh, cùng lòng góp sức. Mà quân giặc thua hoài, ngồi để chờ chết! Trong khoảng chỉ, vạch, bắt, tha, quyền ở cả ta. Nhà-vua bèn sai các tướng chia quân ra đánh các thành. Quốc Hưng lĩnh quân đánh hai thành Điều-kê, Thị-kiều (Đáp-cầu), chúng đều ra đầu cả. Bọn Khả, Đại đánh thành Tam-giang, hơn một tháng thì thành ấy hàng. Bọn Lê Triện, Lê Sát, Lê Lý, Lê Thụy, Lê Lãn. Lê Hốt đánh thành Xương-giang. Bọn Lê Lự, Lê Bôi đánh thành Ôn-khâu. Trong khoảng quay gót mấy thành đều vỡ. Chỉ có bốn thành Đông-đô, Cổ-lộng, Tây-đô, Chí-linh, là chưa hạ mà thôi.

Lúc trước Nhà-vua đóng dinh ở thành Phù-liệt, hơi xa với giặc. Sau bèn dời về dinh Bồ-đề ở bên Bắc sông, đối diện với thành Đông-đô, để đón đường về của chúng. Ngày đêm luyện-tập các tướng; kén thêm quân-sĩ; sắp đồ dùng đánh thành; chứa oai nuôi sức; tập nghề võ; giữ hiệu-lệnh phân minh. Chia sai các tướng chẹn giữ các đường quan-ài, dứt quân cứu-viện của giặc.

Khi ấy các tướng-sĩ phần nhiều dâng thư khuyên Nhà-vua đánh các nơi thành Đông-đô.

Nhà-vua nói:

- Đánh thành là hạ sách! Ta đánh vào thành vững, hàng tháng, hàng năm không hạ nổi. Quân ta sức mệt, khí nản. Nếu viện-binh của giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị giặc đánh, đó là thế nguy! Không bằng nuôi oai chứa sức, để đợi ít ngày. Viện-binh dứt thì thành tất phải hàng. Làm một được hai, đó mới là kế vạn-toàn vậy.

Năm Đinh-vị, ngày mồng-mười tháng sáu, tướng giặc là Trần viễn Hầu đem năm vạn quân, một nghìn ngựa, từ Quảng-tây sang, cứu-viện các thành. Đến ải Pha-lũy (Nam-quan), tướng giữ ải của ta là bọn Lê Lự, Lê Bôi, đánh cho thua to, chém hơn ba nghìn đầu, bắt được hơn năm trăm ngựa, cả phá được giặc mà về.

Nước Minh cậy mình mạnh lớn, không trông gương bánh xe đổ trước, lại cho đem hơn hai mươi vạn quân, ba vạn con ngựa, sai bọn Tổng-quản là An-viễn-hầu Liễu Thăng, cùng Kiểm-quốc-công là Mộc Thạnh, Bảo-định-bá là Lương Minh, Đô-đốc là Thôi Tự, Thượng-thư là Lý Khánh, Hoàng Phúc, đi chia làm hai đường. Bọn Liễu Thăng từ Ôn-khâu tiến sang, bọn Mộc Thạnh từ Vân-nam đi lại. Ngày mười-tám tháng chín, đều đến cả đầu biên-giới.

Nhà-vua triệu các tướng bàn rằng:

- Giặc vốn khinh ta, cho người nước ta tính nhút-nhát, lâu nay vẫn sợ oai giặc. Nghe tin đại-quân đến, tất là khiếp sợ. Huống chi lấy mạnh lấn yếu, lấy nhiều thắng ít, là sự chi thường. Giặc nào phải không biết luận đến; thế thua được của đây, đây; cơ tuần-hoàn của thời-vận. Và chẳng quân đi cứu-cấp, cần nhất phải cho mau-chóng. Quân giặc tất nhiên cố sức đi gấp đường. Tức như lời binh-pháp đã dạy: "Xô tới chỗ lợi mà ngày đi năm mươi dặm, tất quệ bậc thượng tướng". Nay Liễu Thăng sang đây đường-

sá xa xôi. Đem ba nghìn gái đẹp (?), khoa chiêng, dóng trống, hện cùng đi bằng ngày; long quân khổ vì mệt-nhọc. Ta lấy thông-thả mà đợi quân mệt-nhọc, không có lẽ nào là không thắng!

Bèn sai bọn Lê nhân Chú, Lê Sát, Lê Thụy, Lê Lãnh, Lê Liệt, đem một vạn tinh binh, năm thớt voi, ngầm phục ở ải Chi-lăng để đợi.

Nguyên trước Lê Lựu giữ ải Pha-lũy, thấy giặc đến lui giữ ải Truy. Giặc lại tiến đánh ải Truy. Bọn Lê Sát, Lê nhân Chú giữ Chi-lăng, giặc lại tiến bực Chi-lăng. Bọn Lê Sát, Lê nhân Chú sai Lựu ra đánh, rồi giả vờ thua mà chạy. Quả-nhiên quân giặc mừng rỡ, Liễu Thăng thân đem đại-quân tiến vào chỗ phục. Bọn Chú, Sát tung hết quân phục ra, bốn mặt đều vây, xông đánh quân giặc, cả phá được chúng chém bọn Liễu Thăng, Lý Khánh, cùng hơn một vạn quân giặc. Chiến-cụ của giặc, nhất thời bị đốt hết.

Nhà-vua lại sai bọn Lê Lý, Lê văn An, đem quân đến tiếp. Tỳ-tướng của giặc là bọn Thôi Tự, Hoàng-Phúc, thu nhặt đám quân tàn, lại gượng tiến đến ải núi Mã-yên.

Bọn Sát, Chú, Lý, đem các tướng tung hết quân ra đánh. Giặc lại thua to. Ta chém được hơn hai nghìn đầu; bắt được lừa, ngựa, trâu, bò, quân-lương, khí-giới, không biết bao nhiêu mà kể!

Quân giặc cho là thành Xương-giang chưa vỡ, tự lấy làm chắc. Kịp khi tới Xương-giang, thấy thành đã bị hãm rồi, tưng-hửng thất-vọng, càng hoảng-hốt cả sợ. Liên ngày đêm đắp lũy tự giữ lấy pháo hiệu làm tin, để thông tin với các thành ở Đông-đô, nghe tiếng pháo thì đến tiếp-ứng. Thế nhưng các thành ở Đông-đô, tự cứu mình không rồi, biết đâu đến chuyện khác!

Nhà-vua liền sai các tướng, mặt thủy, mặt bộ đều tiến, vây đánh quân giặc. Lại chia quân ra, chặn giữ các ải Mã-yên, Chi-lăng; Pha-lũy, Bàn-quan.

Bọn Thôi Tự, Hoàng Phúc muốn tiến không được; muốn lui không xong, bèn giả vờ xin hòa. Nhà-vua nhất định từ chối không cho. Sai bọn Lê Hồi, Lê Văn, Lê Khôi, lĩnh ba nghìn quân, bốn thớt voi, cùng bọn Lý, Sát, Nhân Chú, Văn An đánh phá quân giặc.

Giặc toàn quân bị hãm mất. Ta chém năm vạn đầu, bắt sống được Thôi Tự, Hoàng Phúc cùng hơn ba vạn quân giặc. Giáo, mác, lừa, ngựa, vàng, bạc, lụa là, gấm, đoạn, từng hòm, từng đồng, chứa chất như núi, không thể kể xiết!

Còn bọn Kiểm-quốc-công là Mộc-Thạnh, Bảo-định-hà là Lương Minh, từ Vân-nam sang năm vạn quân, đóng đồn ở chợ Lê-hoa, cầm cự với bọn Lê Khả, Lê Trung, Lê Đại. Nhà-vua liệu chừng Mộc Thạnh tuổi già, trải việc đã nhiều, lại vốn nghe tiếng quân ta, tất ngồi nhìn sự thắng bại của quân Liễu Thăng, không dám tiến liều! Liều viết thư kín bảo bọn Sát, Khả, Đại, chỉ nên đặt quân phục để chờ, hãy chớ đánh nhau với giặc.

Kịp khi quân Liễu Thăng đã thua, Nhà-vua bèn lấy một viên Chỉ-huy, ba viên Thiên-hộ trong đám quân bắt được, cùng là băng sắc, ấn-tín của Liễu Thăng; đưa sang trại quân Mộc Thạnh!

Bên Mộc Thạnh trông thấy cả kinh, bèn chạy trốn, vỡ lờ, giầy, xéo lên nhau! Bọn Khả, Trung, Đại thừa thắng tung quân đuổi đánh, chém hơn vạn đầu, bắt được năm nghìn con ngựa; cùng là khí-giới, vàng bạc, của báu, lụa là, không thể đếm xiết.

Khi ấy các thành giặc ở Đông-đô cùng các nơi khác, nghe tin hai lộ cứu binh đều đã thua vỡ, nhưng lòng còn nghi-hoặc, có điều chưa tin hết, nên vẫn còn đóng cửa thành chống giữ.

Nhà-vua bèn đem các tướng giặc bắt được là bọn Thôi Tự, Hoàng Phúc cùng hơn ba vạn quân, hai vạn ngựa, và các thứ gươm, giáo, chiêng, trống, cờ tàn, sổ sách, quả ấn Song-hổ-phù của giặc, để rao bảo các thành! Quân giặc mới khiếp sợ, đều cởi áo-giáp xin hàng.

Ngày mười-sáu tháng chạp, tướng giặc là Vương Thông, Mã Ánh, Lý An, Trần Trí, Nội-quan là Mã Kỳ, Sơn Thọ, Phương Chính, Đặc Khiêm, cùng các viên chỉ-huy giữ thành Tây-đô là Hà Trung, giữ thành Chí-linh là Cao Tường, bèn đem tất cả các hạng ngục quan (người nước ta làm quan với giặc) lớn, nhỏ, và những nhân-dân nước ta bị bắt hiếp vào trong thành, đưa trả về đủ số. Chỉ xin được cho đem quân về Tàu.

Các tướng sĩ cùng nhân-dân nước ta, không kể già, trẻ, trai, gái, bấy lâu khổ vì mọi sự tàn-ác của giặc: giết hại cha, mẹ, bà con họ, bèn đem nhau cố xin Nhà-vua giết cho hết bọn chúng để bỏ giận cho Trời, Đất, Thần, Dân; để hả lòng các trung-thần, nghĩa-sĩ; để yên-ủi các hồn vô tội chịu oan khuất; để gột rửa nỗi nhục vô cùng cho Nước-Nhà!

Nhà-vua với các tướng cùng người trong nước mà bảo họ rằng:

- Một lòng báo oán là thường tình của con người ta. Nhưng không thích giết người là bản-tâm của bậc nhân-giả. Và chẳng người ta đã ra hàng mà ta lại giết đi thì không còn gì không lành hơn nữa! Dữ kỳ hả cái giận trong một sớm, mà chịu mang tiếng giết kẻ đầu hàng với muôn đời, thì sao bằng để sống hàng ức, vạn mạng người, mà dứt mỗi chiến-tranh về sau trong hai nước? Sử xanh chép lại, nghìn thừa còn thơm! Như thế lại không tốt đẹp hay sao?

Bèn không nghe lời họ. Rồi sai các tướng giải vây lui ra. Lại đưa cho hơn năm-trăm chiếc thuyền, chi cấp cho đủ lương-thảo. Và đem các tướng giặc bắt được là bọn Thôi-Tụ, Hoàng Phúc; quân mới sanag hơn hai vạn; quả ấn Song-hổ-phù của Liễu Thăng; cùng quân giặc trấn thủ ở các thành, trai, gái, lớn nhỏ, hơn ba mươi vạn; giao cả cho tướng giặc là bọn Vương Thông; bằng lòng cho hoặc thủy, hoặc bộ, tùy tiện muốn về đường nào thì về. Lại sai sứ dâng biểu xin lỗi.

Khi bọn Vương Thông về tới Long-châu, vua Minh đã biết trước quân Minh cùn-quẫn, việc đã đến thế, không còn làm thế nào được. Bèn sai sứ-thần đem sắc-thư, truyền cho các tướng đem quân về Tàu, trả lại đất cho An-nam. Còn việc vào châu dăng cống, lại theo lệ cũ đời Hồng-vũ, thông sứ đi lại.

Từ đó giáo, mác dẹp tan; đất đai lấy lại; trong nước thái-bình, nhân-dân yên nghiệp như cũ.

Nhà-vua từ khi khởi nghĩa, đến lúc bình được giặc, lấy lại được nước, bao nhiêu giấy tờ đi lại ở trong quân, đều sai văn-thần Nguyễn Trãi làm ra.

Hết cuốn thứ hai

Lam Sơn Thực Lục

Cuốn thứ ba

Năm Mậu-thân (1428), tháng ba, Nhà-vua hội hết cả các tướng cùng các quan văn, võ, định phong, hành thưởng. Cứ theo công cao, thấp, mà sắp đặt phẩm cấp. Lại chia trong nước làm mười lăm đạo. Mỗi đạo đặt quân coi giữ. Mỗi quân đặt một viên tổng-quản; lớn, nhỏ ràng-buộc nhau; trong ngoài gìn-giữ nhau. Các đạo lại đặt ra chức Hành-khiển, chia giữ sổ-sách quân và dân. Sai sứ đi các nơi, tế các thần kỳ của Núi, Sông, Đền, Miếu; lễ tạ các lăng-tẩm các triều vua trước. Truy-tôn các Tổ-tông và dâng thêm thụy hiệu.

Ngày mười bốn tháng tư, Nhà-vua lên ngôi Hoàng-đế, lấy niên hiệu là Thuận-thiên. Bèn sai Nguyễn-Trãi làm bài "**Bình Ngô Đại Cáo**". Lời rằng:

Bình Ngô Đại Cáo

Dịch âm

Đại Thiên hành Hóa, Hoàng-thượng nhược viết:

Nhân, nghĩa chi cử, vụ tại an dân.
 Điều phạt chi sự, mạc tiên khứ bạo,
 Duy ngã Đại Việt chi quốc,
 Thực vi Văn-hiến chi bang.
 Sơn, xuyên chi phong vực ký thù.
 Năm Bắc chi phong tục diệc dị.
 Việt Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc;
 Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương.
 Tuy cường, nhược thời hoặc bất đồng,
 Nhi hào-kiệt thế vị thường phạp.
 Cổ Lưu Cung tham công nhi thủ bại.
 Triệu Tiết hiếu đại nhi xúc vong;
 Toa Đô kỳ cầm ư Hàm-tử quan;
 Mã Nhi hựu ế ư Bạch-đăng hải.
 Kê chư vãng-cổ,
 Quyết hữu Minh-trưng.
 Khoảnh nhân Hồ chính chi phiến-hà,
 Trí sử nhân-tâm chi cán-bạn.
 Cường Minh tứ khích, nhân dĩ độc ngã dân;
 Ngụy-đảng hoài gian, cánh dĩ mãi ngã quốc!
 Phiến thương-sinh ư ngược diệm;
 Hãm xích-tử ư họa khanh!
 Khi thiên, võng dân, quý kể cái thiên-vạn trạng!
 Liên binh, kết hãn, nắm ác đãi nhị thập-niên!
 Bại nghĩa, thương nhân, Kiên-khôn cơ-hồ dục tức!
 Trọng khoa, hậu liễm, sơn trạch mỹ-hữu nghiết-đi!
 Khai Kim trường tắc mạo lam chướng nhi phủ sơn đào sa!
 Thái minh châu tắc xúc giao long nhi căng yêu xám hải!
 Nhiều dân thiết huyền lộc chi hạm tịnh!
 Diển vật chức thúy cầm chi võng-la!

Côn-trùng, thảo-mộc, hàm bất đắc dĩ an kỳ sở;
 Tuần sinh-linh chi huyết, dĩ nhuật kiệt-hiệt chi vấn nha?
 Cực thổ, mộc chi công, dĩ sùng công, tư chi giải vũ!
 Chân lý chi chinh, dao trung khốn!
 Lư-diêm chi trữ, trực giai không!
 Quyết Đông-hải chi ba, bất túc dĩ trạc kỳ ô!
 Khánh Nam-sơn chi trúc, bất túc dĩ thư kỳ ác!
 Thần, nhân chi sở cộng phần!
 Thiên địa chi sở bất dong!
 Dư, phần tích Lam-sơn,
 Thê thân hoang-dã;
 Niệm quốc thù khởi khả cộng đá!
 Thệ nghịch-tặc nan dữ câu sinh!
 Thống tâm, tặc thủ giả, thù thập dư niên!
 Ngọa tằm, thường đóm giả, cái phi nhất nhật!
 Phát phẩm vong thực, mỗi nghiên đàm Thao-lược chi thư;
 Túc cổ, nghiệm kim, tế suy cứu hưng, vong chi lý.
 Đồ hồi chi chi,
 Mụ-my bất vong!
 Đương nghĩa binh sơ khởi chi thì,
 Chính tặc thế phương trượng chi nhật.
 Nại dĩ: nhân-tài thu diệp!
 Tuấn-kiệt thần tinh?
 Bôn, tấu tiên, hậu giả ký phạt kỳ nhân!
 Mưu-mô duy-ác giả hựu quả kỳ trợ!
 Đắc-dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục Đông!
 Cổ ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư Tả!
 Nhiên kỳ: đắc nhân chi hiệu, mang nhược vọng dương!
 Do kỷ chi tâm, thâm ư chứng nịch!
 Phần hung-đồ chi vị diệt;
 Niệm quốc bộ chi do chuân;
 Linh-sơn chi thực tận kiêm tuần!
 Côi-huyện chi chúng vô nhất lữ!
 Cái thiên dục khốn ngã dĩ giáng quyết nhiệm.
 Cổ dư ích lệ chi dĩ tế vu gian!
 Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập!
 Đầu giao hưởng sĩ, phụ-tử chi binh nhất tâm!
 Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị.
 Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ!
 Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi diệt hung-tàn;
 Dĩ chí nhân nhi địch cường-bạo.
 Bờ-đăng chi đình khu điệt xiết!
 Trà-lân chi trúc phá, hôi phi!
 Sĩ khi dĩ chi ích tăng!
 Quân thanh dĩ chi đại chấn!
 Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ, văn phong nhi trĩ phách!
 Lý An, Phương Chính chi bối, giả túc dĩ thân sinh!
 Thừa thắng trường khu, Tây-kinh ký vi ngã hữu.
 Tuyển phong tiến thủ, Đông-đô tận phục cựu cương.
 Ninh-kiêu chi huyết thành xuyên, lưu tính vạn lý!
 Tốt-động chi thi mẫn dã, di xú thiên niên!
 Trần Hiệp tặc chi phúc tâm, ký cựu kỳ thủ!
 Lý Lương tặc chi gian tố, hựu bộc quyết thi!

Vương Thông lý loạn nhi phần giả ích phần!
 Mã Ánh cứu đấu nhi nô giả ích nô!
 Bỉ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong!
 Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất!
 Vị bị bất địch tâm nhi cải lự.
 Khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô!
 Chấp nhất kỳ chi kiến nhi giá họa ư tha nhân;
 Tham nhất thi chi công, nhi di tiểu ư thiên hạ!
 Toại sử Tuyên-đức chi giáo đồng, độc binh vô yếm!
 Viên mạnh Thạch, Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần!
 Đinh-vị cứu nguyệt, Liễu Thăng tự dẫn binh, do Ôn-khâu nhi tiến.
 Bàn niên thập nguyệt, Mộc Thạnh diệc phân đạo tự Vân-nam nhi lai.
 Dư tiên ký tuyển phục tốt tắc hiểm, dĩ tồ kỳ phong;
 Hậu hựu diệu kỳ binh tiết lộ, dĩ đoan kỳ thực.
 Thập-bát nhật, Liễu Thăng kỳ vi ngã sở công, kế truy ư Chi-lăng chi dã!
 Nhị-thập nhật, Liễu Thăng hựu vi ngã sở bại thân tử ư Mã-yên chi sơn!
 Nhị-thập-ngũ nhật, Bảo-định-bá Lương Minh trận hãm nhi táng khu!
 Nhị-thập-bát nhật, Thượng-thư tào Lý Khánh, kế cùng nhi vẫn cảnh!
 Ngã ký nghinh nhận nhi giải!
 Bỉ tức đảo qua tương công!
 Ký nhi tứ diện thêm bình dĩ bao vi;
 Ký dĩ thập-nguyệt trung tuần nhị diểu diệt.
 Viên mạnh tỳ-hư chi sĩ;
 Thân sử trào-nha chi thần;
 Am-tượng nhi hà thủy cản!
 Ma đao nhi sơn thạch khuyết!
 Nhất cổ nhi kinh khoa, ngạc đoạn!
 Tái cổ nhi diểu tán, huân kinh!
 Quyết hội nghĩ ư băng-đê!
 Chấn cương-phong ư khô-diệp!
 Đô-đốc Thôi Tự tắt hành nhi tống khoản!
 Thượng-thư Hoàng Phúc diện phọc nhi tự cầm!
 Cương-thi tắc ư Lạng-sơn, Lạng-giang chi đồ!
 Tiên huyết xích ư Xương-giang, Bình-than chi thủy!
 Phong vân vị chi biến sắc!
 Nhật, nguyệt thăm dĩ vô quang!
 Kỳ Vân-nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê-quan, tự đồng nghi, khu-át nhi tiên dĩ
 quá đờm!
 Ký Mộc Thạnh đảng vi ngã quân sở bại ư Cần-trạm, toại lạn tạ, bôn hội nhi cận
 đắc thoát thân!
 Lãnh-câu chi huyết chữ lưu, giang thủy vị chi ô yết!
 Đan-xá chi thi sơn tích, dã thảo vị chi ân hồng!
 Lương lộ cứu binh, ký bất toàn chủng nhi câu bại!
 Các thành cùng khấu, suất tương giải pháp dĩ xuất hàng!
 Tặc thủ thành cầm, bỉ ký trạo khốn thú khất liên chi vĩ!
 Thần-vũ bất sát, dư tiệc thể Thượng-đế hiếu sinh chi tâm!
 Tham-tướng Phương Chính, Nội-quan Mã Kỳ đảng, tiên cấp thuyền ngũ bách dư
 sừ, ký độ hải nhi do thả hồn phi phách táng!
 Tổng-binh Vương Thông, Tham-chính Mã Ánh đảng, hựu cấp mã sở thiên dư
 thất, dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật, tâm kinh!
 Bỉ ký úy tử, tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành.
 Dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dĩ dẫn đặc tức.
 Phi duy kế mưu chi cực kỳ thâm-viễn;

Ước diệc cổ kim chi sở vị kiến-văn!
 Xã-tắc dĩ chi điện-an.
 Sơn xuyên dĩ chi cải quán.
 Kiên-khôn ký dĩ nhi phục thái.
 Nhật, Nguyệt, ký hồi nhi phục minh.
 Vu dĩ khai vạn thể thái-bình chi cơ!
 Vu dĩ tuyết thiên-cổ vô cùng chi sử!
 Cái do Thiên, Địa, Tổ, Tông chi linh hữu dĩ âm tương, mặc-hựu nhi trí nhiên dã;
 Ô-hô!
 Nhất nhung đại định, bất thành vô cạnh chi công!
 Từ hải vĩnh thành, đảm bá duy-tân chi cáo!
 Bá cáo Thiên-hạ.
 Hàm sử văn, tri!

Dịch nghĩa

Thay Trời giáo-hóa, Hoàng-thượng truyền rằng:

Làm việc trọng nhân vì nghĩa, cốt là yêu đám lương-dân.
 Cắt quân hồi tội, cứu đời, trước phải trừ loài tàn-bạo!
 Thử xét nước nhà: Đại Việt.
 Vốn là xứ-sở văn-minh.
 Cõi bờ của sông, núi đã chia.
 Phong-tục của Bắc, Nam cũng khác.
 Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, đã dựng thành một nước;
 Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều làm chúa một phương.
 Dù mạnh yếu có lúc không đều;
 Nhưng hào-kiệt chưa đời nào thiếu!
 Cho nên: Triệu Tiết thích lớn mà mau mất!
 Lưu Cung tham công mà hóa thua!
 Mã Nhi đã chết ở bể Bạch-đăng!
 Toa Đô lại tù ở ải Hàm-tử!
 Xét về đời trước,
 Gương đã rõ ràng!
 Gần đây vì họ Hồ phép ngặt, lệnh phiền;
 Đến nỗi khiến dân nước lòng lìa, dạ oán.
 Giặc Minh dòm-dò, bèn mượn thể tàn dân!
 Lũ nịnh gian-tham, nỡ cam lòng bán nước!
 Đẩy con đỏ xuống hang tối!
 Thui dân đen bằng lửa nòng!
 Dối trời, lừa người, mẹo bày ra có nghìn muôn cách!
 Tràn quân, gây chuyện, ác chứa lại ngót hai mươi năm!
 Trái nghĩa, hại nhân, lẽ Trời Đất tưởng chừng tắt hẳn!
 Thu nhiều, lấy nặng, lợi núi, chằm, vét chẳng sót đâu!
 Kẻ khai mỏ vàng thì đào non, đãi cát, mà nước độc dấm nài.
 Người lấy ngọc trai thì lặn biển dẫn thân mà rông thiêng chẳng quản.
 Giết-hại vật thì dệt ra lưới bắt chim trả!
 Quấy rối dân thì đặt ra bẫy bắt hươu đen!
 Bọn long-đông cô-cút, đều không tìm được chỗ nương thân!
 Dù sâu, bọ, cỏ, cây, cũng không biết có ngày vui sống!
 Béo nanh, miệng, bao phường kiệt-kiệt, rút-bòn máu-mủ sinh-linh!
 Đẹp đẽ-đài khắp ngã công, tư, hoài-phí công trình xây-dựng.
 Nơi châu-quận, thuế-sưu nặng lắm!
 Miền nhà quê khung-cửi sạch không!
 Tháo biển Đông cho cạn sông, không đủ để gột hết dơ!

Chặt núi Nam cho trụ tre, không đủ để chếp hết tội!
 Thần, Dân đều phải căm giận!
 Trời, Đất, lẽ nào có đúng!
 Ta, cất bước núi Lam:
 Nướng thân nội cỏ.
 Nghĩ thù nước, Trời không chung đội!
 Thế giặc ngoài, thế chẳng sống đôi!
 Vò đầu, nát ruột, kể đã hơn mười năm!
 Nếm mật, nằm chông, nào phải mới một sớm!
 Quên bữa chỉ vì lòng tức-bực, sách lược-thao thường vẫn đọc, bàn.
 Theo xưa mà nghiệm việc đời nay, lẽ hưng-phế kỹ-càng suy-xét.
 Tắm lòng khô-phục.
 Thức, ngủ không quên!
 Quân nghĩa ta mới nổi lúc đầu,
 Thế giặc nó chính đương còn mạnh.
 Khốn nỗi: tuần-kiệt như sao buổi sớm!
 Nhân-tài như lá mùa thu!
 Bên mình thua, chạy, đã thiếu tay sai;
 Trong tướng tính-toan lại ít người giúp.
 Nhưng sốt ruột cứu bầy dân-chúng, thường bồn-chồn muốn đánh sang Đông;
 Nên sắp xe đợi bậc hiền-tài, vẫn thành-kính bỏ không phía Tả.
 Thế nhưng: mờ-mịt như trông ra bể, người có thấy ai!
 Vội vàng hơn vớt đằm đò, ta nào nản dạ!
 Giận lũ giặc chưa đến ngày tuyệt diệt!
 Thương nước-nhà còn đương bước long-đong!
 Cơm Linh-sơn chịu thiếu hàng tuần!
 Quân Côi-huyện không còn thành đội!
 Chắc trời muốn thử người để giao cho công-việc;
 Nên Ta càng gắng chí, để vượt khỏi gian-nan!
 Ví bề làm cờ, dân cây-cuốc nổi theo tứ phía!
 Rượu hòa thêm nước, quân cha-con vốn dốc một lòng!
 Đánh người hoặc nhân lúc hờ cơ, yếu đề được mạnh!
 Bày kế thường đặt quân mai phục, ít địch nổi nhiều.
 Rút lại: lấy đại-nghĩa mà diệt lũ hung-tàn;
 Lấy chí-nhân mà thay được phường cường-bạo.
 Quân Đồ-băng sấm vang, chớp nhoáng!
 Giặc Trà-lạn nửa chẻ, tro bay!
 Hăng-hái vì thế tăng thêm;
 Tiếng-tầm từ đó lừng-lẫy!
 Lũ Trần Trí, Sơn Thọ, vía tan theo gió!
 Bọn Lý An, Phương Chính, sống tạm từng hơi!
 Thừa thắng đuổi dè, chiếm-cứ được thành Tây-kinh trước.
 Kén tài tiến đánh, thu phục hết đất Đông-đô xưa!
 Ninh-kiều máu chảy thành sông, tanh lầy muôn dặm!
 Tốt-động thân nằm đây nội, để thối nghìn thu!
 Lý Lương là sâu một dân, ta đã đem phanh xác!
 Trần Hiệp là tay chân quân giặc, cũng bị bêu đầu!
 Vương Thông dẹp loạn mà nơi cháy lại cháy thêm.
 Mã Ánh gỡ đòn mà kẻ giận càng giận dữ!
 Trí đã cùn, sức đã kiệt, chúng bó tay đợi chết biết sao!
 Phá bằng mưu, công bằng lòng, ta không đánh mà được là thế.
 Tưởng chúng tất biết nghĩ và đổi bụng-dạ.
 Nào ngờ còn gây chuyện để thêm tội-tình.

Gieo tai-vạ cho kẻ khác, chỉ chấp theo ý-kiến riêng mình.
 Làm trò cười cho người đời, bởi tham được thành công chốc lát.
 Xui-khiến thẳng nhãi ranh Tuyên đức, không chán dụng binh!
 Bèn sai phường tướng khổ Thanh, Thăng, đem dầu chữa cháy!
 Tháng chín Đinh-mùi Liễu Thăng tự dẫn quân do Ôn-khâu tiến đánh.
 Tháng mười năm ấy, Mộc Thạnh cũng chia ngả từ Vân-nam kéo sang.
 Ta: Trước đã kén quân phục nấp nơi hiểm-yếu, đánh cho tan đội tiên-phong.

Sau lại cho kỳ-binh chẹn lối đi về, cắt cho đứt đường lương-thực.
 Ngày mười-tám, mắc mưu ở ải Chi-lăng, Liễu Thăng đã bị ta đánh bại!
 Ngày hai-mươi, thua trận ở núi Yên-ngựa, Liễu Thăng lại bị ta chém đầu!
 Ngày hai mươi lăm, Bảo-định-bá là Lương Minh, trận võ phải liêu mình.
 Ngày hai mươi tám, Thượng thư Tào là Lý Khánh kể cùn tự đâm cổ!

Ta đã tiến đầu được đấy!

Nó liền giờ giáo đánh nhau,
 Kế đó thêm quân bốn mặt để bao vây!
 Hẹn đến trung tuần tháng mười là diệt hết!

Bèn sai các tướng nanh-vuốt,
 Đem theo những lính hùm-beo,
 Voi uống mà cạn nước sông!

Dao mà đủ lở đá núi!

Một trận mà bằm kinh, chém ngạc!

Hai trận mà xấy nghé, tan đàn!

Tươi tổ kiến bằng thể nước tràn!

Rung lá khô bằng làn gió mạnh.

Đô-đốc Thôi Tụ quỳ gối mà đưa lễ;

Thượng-thư Hoàng Phúc, trơ mặt mà nộ mình!

Xác chết đầy cả đường Lạng-sơn, Lạng-giang!

Máu chảy đỏ cả nước Bình-than, Xương-thủy!

Muôn dặm gió, mây, đổi màu ảm-đạm!

Hai vầng nhật, nguyệt, ánh-sáng lu mờ!

Quân Vân-nam bị ta chẹn lối ở Lê-quan, tự ngờ sợ, bàng-hoàng, mà vỡ cả mặt!

Bọn Mộc Thạnh bị ta đánh bại ở Cần-trạm, tự giầy xéo, tan vỡ, chỉ thoát được

thân!

Lãnh-câu máu chảy trôi chầy, nước sông khóc thảm!

Đan-xá thầy chông bằng núi, cỏ nội đầm hồng!

Quân cứu hai đường, chưa kịp quanh chân đã vỡ!

Giặc tàn các ngả, cùng nhau cỡi giáp xin hàng!

Tướng giặc bị tù, thú sa bẫy đã vẫy đuôi xin mạng!

Oai thần không giết, Trời chí công nên mở lượng hiếu sinh!

Bọn Tham-tướng Phương Chính, Nội-quan Mã Kỳ, cấp trước cho hơn năm trăm
 thuyền, vượt bể rồi mà vẫn hồn xiêu, vía lạc.

Bọn Tổng-binh Vương Thông, Tham-chính Mã Ánh, về nước rồi mà còn lòng
 khiếp người run!

Nó đã tham sống, sợ chết, mà thực bụng giàng hòa.

Ta lấy toàn quân là hơn, để cho dân nghĩ sức.

Chẳng những mưu-kế thực sâu-xa tột bực!

Mà cũng xưa nay chưa nghe thấy bao giờ!

Non sông rày đã khác xưa!

Xã-tắc từ đây yên vững!

Ánh Ác, Thỏ tối rồi lại sáng!

Lễ Kiên-khôn cùng mãi phải thông!

Để gây-dựng nền thái-bình cho muôn đời!

Để gội-rửa nhục vô-cùng cho cả nước!

Cũng là nhờ Trời, Đất, Tổ-tông linh-thiên, đã ngấm-ngấm phù-hộ mà được như thế này!

Than ôi! Mảng giáp dẹp yên hết cả, gây được nên công-nghiệp phi thường.
Bốn phương phẳng-lặng từ nay, bảo cho biết cuộc đời đổi mới.

Bá cáo thiên-hạ,
Đâu đây đều hay!

Trích-lục Bản dịch của cụ Bùi Kỳ

Tượng mảng:

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điều-phạt chỉ vì khử bạo,
Như nước Việt ta từ trước,
Vốn xưng văn-hiến đã lâu,
Sơn-hà cương-vực đã chia,
Phong-tục bắc nam cũng khác.
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng-cứ một phương,
Dẫu cường nhược có lúc khác nhau,
Song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên

Lưu Cung sợ uy mất vía,
Triệu Tiết nghe tiếng giật mình,
Cửa Hàm-tử giết tươi Toa Đô,
Sông Bạch-đăng bắt sống Ô Mã,
Xét xem cổ-tích,
Đã có minh-trưng,

Vừa rồi

Vì họ Hồ chính-sự phiến-hà,
Để trong nước nhân-dân oán bạn,
Quân cường Minh đã thừa-cơ tứ ngược,
Bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh,
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ.
Chước dối đủ muôn nghìn khoé,
Ác chứa ngót hai mươi năm.
Bại nhân-nghĩa nát cả càn-khôn,
Nặng khóa-liếm vết không sơn-trạch
Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu,
Nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim trắng,
Tàn-hại cả côn-trùng thảo-mộc,
Nheo-nhóc thay! quan quả diên liên
Kẻ há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy! no-nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa,
Nặng-nề về những nỗi phu-phen,
Bắt-bớ mất cả nghề canh-cửi.
Độc-ác thay! trúc rừng không ghi hết tội,
Dơ-bẩn thay! nước bể khôn rửa sạch mùi,
Lẽ nào trời đất tha cho,
Ai bảo thần-nhân nhịn được.

Ta đây:

Núi Lam-sơn dẫy nghĩa,
Chốn hoang-dã nương mình,
Ngắm non sông cảm nỗi thế thù,

Thề sống chết cùng quân nghịch-tặc,
 Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa,
 Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối,
 Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã tinh,
 Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng-phế đả-đo càng kỹ.
 Những trần-trọc trong cơn mộng-mị,
 Chỉ bần-khoản một nỗi đồ hồi.
 Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
 Chính lúc quân thù đang thịnh.

Lại ngặt vì:

Tuấn-kiệt như sao buổi sớm,
 Nhân-tài như lá mùa thu,
 Việc bôn-tẩu thiếu kẻ đỡ-đần,
 Nơi duy ác hiểm người bàn-bạc.
 Đôi phen vùng-vẫy, vẫn dăm-đăm con mắt dục đông
 Mấy thừa đợi chờ, luống dăng-đăng cổ xe hư-tả,
 Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt-mù như kẻ vọng dương,
 Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chứng nịch,
 Phần thì giận hung-đồ ngang-dọc,
 Phần thì lo quốc-bộ khó-khăn,
 Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần,
 Khi Khôi-huyện quân không một đội,
 Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma,
 Cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử.
 Múa đầu gậy ngọn cờ phất-phới, ngóng vân-nghe bốn cõi đan hồ,
 Mở tiệc quân chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ một lòng phụ-tử.
 Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi,
 Quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Đem đại nghĩa để thẳng hung-tàn,
 Lấy chí nhân mà thay cường-bạo.
 Trận Bồ-đăng sấm vang sét dậy,
 Miền Trà-lân trúc phá tro bay,
 Sĩ-khí đã hăng,
 Quân-thanh càng mạnh,
 Trần Trí, Sơn Thọ, mất vía chạy tan.
 Phương Chính, Quý An tìm đường trốn-tránh.
 Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc.
 Lấy Đông-đô thu lại cõi xưa,
 Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông,
 Bến Tuy-động xác đầy ngoài nội.
 Trần Hiệp đã thiệt mạng,
 Lý Lương lại phơi thầy.
 Vương Thông hết cấp lo-lường,
 Mã Anh khôn đường cứu-đỡ
 Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao,
 Ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất.
 Tướng nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui,
 Ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội-nghiệt.
 Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người,
 Tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dở-duốc.
 Đến nỗi đứa trẻ con như Tuyên-đức, nhàm võ không thôi.
 Lại sai đồ nhút-nhát như Thạnh, Thăng đem đầu chữa cháy.

Năm Đinh-mùi tháng chín,
 Liễu Thăng tự Khâu-ôn tiến sang¹,
 Mộc Thạnh tự Vân-nam kéo đến.
 Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc-quân,
 Ta lại sai tướng chen ngang, để tuyệt đường lương-đạo.
 Mười-tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lăng²,
 Hai-mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên,
 Hai-mươi-lăm, Lương Minh trận vong,
 Hai-mươi-tám, Lý Khánh tự vẫn,
 Lưỡi dao ta đang sắc,
 Ngọn giáo giặc phải lùi,
 Lại thêm quân bốn mặt vây thành
 Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc.
 Sĩ-tốt ra oai tì-hổ,
 Thần-thứ đủ mặt trảo nha.
 Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
 Voi uống nước, nước sông phải cạn.
 Đánh một trận sạch không kinh-ngạc.
 Đánh hai trận tan-tác chim-muông.
 Cơn gió to trút sạch lá khô,
 Tổ kiến hồng sục toang đê cũ.
 Thôi Tụ phải quỳ mà xin lỗi,
 Hoàng Phúc tự trói để hàng.
 Lạng-giang, Lạng-sơn, thân chất đầy đồng,
 Xương-giang, Bình-than, máu trôi đỏ nước.
 Ghê-gớm thay! sắc phong-vân phải đổi,
 Thảm-đạm thay! sáng nhật-nguyệt phải mờ.
 Binh Vân-nam nghiền ở Lê-hoa, sợ mà mất mật.
 Quân Mộc Thạnh tan chưng Căn-trạm, chạy để thoát thân,
 Suối máu Lãnh-câu, nước sông rền-rĩ,
 Thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-đìa.
 Hai mặt cứu-binh, cầm đầu trốn chạy,
 Các thành cùng khẩu, cớ giáp xuống đầu.
 Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội,
 Thế lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh.
 Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi
 trống ngực,
 Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ-hôi.
 Nó đã sợ chết cầu hòa, mở lòng thú-phục,
 Ta muốn toàn quân làm cốt, cả nước nghỉ-ngơi.
 Thế mới là mưu-kế thật khôn,
 Và lại suốt xưa nay chưa có.
 Giang-san từ đây mở mặt,
 Xã-tắc từ đây vững-bền.
 Nhất-nguyệt hồi mà lại minh,
 Kiền-khôn bĩ mà lại thái.
 Nền vạn thế xây nên chẵn-chẵn.
 Thẹn nghìn thu rửa sạch lâu-làu.
 Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn-thiêng giúp-đỡ cho nước ta vậy.

¹ Tiếng sang với cháy không theo niêm.

² Tiếng lăng với đạo không theo niêm. Hai chỗ này là tự-sự có thể dùng lối tàn hành, không theo niêm cũng được.

Than ôi!

Vấy vùng một mảnh hung-y, nên công đại định.
 Phẳng-lặng bốn bề thái-vũ, mở hội vĩnh-thanh,
 Bá cáo xa gần,
 Ngỏ cùng nghe biết.

*
* *

Nguyên trước Nhà-vua kinh-doanh việc bốn phương, Bắc đánh giặc Minh, Nam đuổi quân Lào, mình trải trăm trận, đến đâu được đấy, chỉ dùng có quan võ là bọn Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Văn, Lê Lý, Lê Ngân, ba mươi lăm người; quan văn là bọn Lê văn Linh, Lê quốc Hưng; cùng những quân-thân như cha, con; hai trăm thiết-ky, hai trăm nghĩa-sĩ, hai trăm dũng-sĩ và mười bốn thớt voi. Còn bọn chuyên-chở lương-thảo, cùng già yếu đi hộ-vệ vợ con, cũng chỉ hai nghìn người mà thôi.

Trước đó có tên Hồ Ông, là con đũa ăn-mày, đổi tên là Cầm Quý, nhận bảo là con-cháu vua Trần. Khi ấy người trong nước khổ vì những chính-lệnh ngặt-nghèo của giặc, mong tìm được người làm chủ. Mà Nhà-vua thì nóng lòng muốn diệt giặc cứu dân, bèn sai người đón dựng làm vua, để quyền-nghi công-việc một thì, nên ban đầu cũng chẳng kén-chọn gì hiền hay ngu, thực hay giả. Sau khi giặc yên, các quan đều dâng sớ cố sức can. Cho là Hồ Ông không có công gì với dân, sao đáng ăn trên ngồi trước mọi người, nên trừ đi cho sớm.

Nhà-vua biết thế là phải, nhưng lòng còn không nỡ, lại càng hậu-đãi thêm.

Hắn tự biết người trong nước không phục, trong lòng hổ thẹn, bèn ngầm cùng tên giặc là Văn Duệ thông mưu làm phản, để cho mau đáng tội chết! Chẳng phải "tự mình làm mình" thì đâu đến nỗi thế!

Trong khi muôn việc có rồi, Nhà-vua thường cùng các quan bàn-luận về duyên-cớ thịnh suy, được, mất từ xưa đến nay. Cùng là giặc Ngô sở dĩ thua, Nhà-vua sở dĩ thắng là vì có làm sao?

Các quan đều nói rằng:

- Người Ngô hình-phạt tàn-ác, chính-lệnh ngỗ-ngược, mất hết cả lòng dân. Nhà-vua làm trái lại đạo của chúng, lấy nhân mà thay bạo, lấy trị mà thay loạn, vì thế cho nên thành công được mau-chóng là thế!

Nhà-vua phán rằng:

- Lời các thầy nói, tuy là đúng lẽ, nhưng cũng còn có điều chưa biết. Trẫm trước gặp lúc loạn-ly, nương mình ở Lam-sơn, vốn cũng mong giữ toàn được tính-mệnh mà thôi! Ban đầu cũng không có lòng muốn lấy thiên-hạ. Đến khi quân giặc càng ngày càng tàn-ác, dân không sao sống nổi! Bao nhiêu người trí-thức, đều bị chúng hãm-hại. Trẫm đã chịu khảm-kiệt cả gia-tài để thờ-phụng chúng! Vậy mà chúng vẫn đem lòng muốn hại Trẫm, không chịu buông tha! Việc khởi nghĩa, thực cũng là bất-đắc-dĩ mà Trẫm phải làm! Trong lúc ấy, Trẫm thân trợ quê người, vợ, con, thân-thích, đều tán-lạc hết! Cơm không đủ hai bữa! Áo không phân Đông, Hè! Lăn gặp nạn ở núi Chí-linh, quân thua, lương hết! Trời kia bắt lòng ta phải khổ, trí ta phải mệt, đến thế là cùng! ... Trẫm thường dụ bảo các tướng-sĩ rằng: "Hoạn-nạn mới gây nổi nước! Lo-phiền mới đúc nên tài! Cái khốn-khổ ngày nay là trời thử ta đó mà thôi! Các thầy nên giữ vững lòng xưa, cẩn-thận, chớ vì thế mà chán-nản". Vậy mà tướng-sĩ cũng dần dần lẩn trốn! Theo Trẫm trong cơn hoạn-nạn, mười người không được lấy một, hai! Còn bỏ Trẫm mà đi, thì đại-loại là phường ấy cả! Kể như lúc ấy, nào ngờ lại có ngày nay! May mà Trời chán đũa giặc! Phàm lúc giặc làm cho Trẫm cùn, trí Trẫm lại càng thêm rộng! Phàm cách giặc làm cho Trẫm khổ, lòng Trẫm lại càng thêm bền. Trước kia quân-lính đói thiếu, giờ lại nhờ lương của giặc mà số trừ-súc của ta càng sẵn! Trước kia quân-lính lẩn-trốn, giờ lại mượn binh của giặc, mà trở giáo để chúng đánh nhau! Giặc có bao nhiêu mác, mộc, cung, tên, ấy là giúp cho ta dùng làm chiến-cụ! Giặc có bao nhiêu bạc, vàng, của báu, ấy là cung cho ta lấy làm quân-lương! Cái mà chúng muốn dùng để hại ta, lại trở lại làm hại chúng! Cái mà chúng muốn dùng để đánh ta, lại trở lại để đánh chúng! Chẳng những thế mà thôi: Kia như nước Ai-lao, với Trẫm là nước láng-giềng, trước vẫn cùng nhau giao-hào. Khi Trẫm bị giặc vây khốn, đem quân sang nương-nhờ. Nghĩ rằng môi hở, răng lạnh, thế nào chúng cũng chứa ta! Nào ngờ quân dạ thú, lòng lang, thấy ta bị

tai-va, thì lấy làm vua-sướng! Rồi thông tin với giặc, ngầm chứa mưu gian, muốn để bắt vợ con của quân ta! Vậy mà ta tìm cách để đối-phó với chúng, thật là thông thả có thừa! Nó vốn trông vào quân giặc để đánh-úp ta! Ta cũng nhân vào thế nó, để đánh lui giặc! Nó vốn lấy khách đãi ta! Ta cũng lấy khách mà xử nó! Phàm ý nó muốn làm gì, ta tất biết trước! Về nó muốn động đâu, ta tất chẹn trước! Cho nên có thể lấy đất đai của nó, làm nơi chứa quân cho ta; lấy hiểm-trở của nó, làm nơi lừa giặc của ta! Binh-pháp dạy: "Lấy khách làm chủ, lấy chủ làm khách", có lẽ là như thế chẳng? Thế nhưng Trẫm đối-đãi với ai cũng hết lòng thành-thực. Thà người phụ ta, ta chớ phụ người! Phàm kẻ bất bình vì một việc nhỏ, mà đem lòng kia khác, Trẫm thường tha thứ, dong cho có lối đối lỗi. Tuy nhiều khi chúng trở mặt làm thù ngay, nhưng Trẫm thường tin-dùng như gan-dạ! Biết đối lỗi thì thôi, không bới lông tìm vết làm gì! Ấy cũng là bởi Trẫm trải nhiều lo nghĩ, nếm đủ gian-nạn, cho nên biết nén lòng nhịn tức, không lấy việc nhỏ mà hại nghĩa lớn, không lấy ý gần mà nhặng mưu xa. Trong khoảng vua, tôi, lấy nghĩa cả mà xử với nhau, thân như ruột thịt, có gì mà phải ngờ-vực. Thế cho nên có thể được lòng người, mà ai ai cũng vui lòng tin theo. Tuy vậy, trong khi hoạn-nạn, mười chết, một sống, kể lâm vào nguy-hiểm là thường! Ngày nay may được thành công, là do Hoàng-Thiên giúp-đỡ, mà Tổ Tiên Trẫm chứa nhân tích đức đã lâu, cũng ngấm-ngềm phù-hộ, cho nên mới được thế. Đời sau kẻ làm con-cháu Trẫm, hưởng cái giàu-sang ấy, thì phải nghĩ đến Tổ, Tông Trẫm tích-lũy nhân-đức đã bao nhiêu là ngày, tháng; cùng công-phụ Trẫm khai sáng cơ-nghiệp bao nhiêu là khó khăn! Mặc những gấm-vóc rực-rỡ, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa áo, quần lam-lũ, không kể Đông, Hè! Hưởng những cỗ-bàn ngon-lành, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa hàng tháng thiếu lương, chịu đói nhịn khát! Thấy đèn-đài lộng-lẫy, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa ăn mưa, nằm cát, trốn lủi núi rừng! Thấy cung-tần đông, đẹp, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa thất-thiếu quê người, vợ con tan-tác! Nên nhớ rằng Mệnh Trời nào chắc được không thường, tất phải suy-tính nỗi khó khi mưu-toan việc dễ. Nghiệp lớn khó gây mà dễ hỏng, tất phải cẩn-thận lúc đầu mà lo tính về sau. Phải đề-phòng đầu mỗi họa-loạn, có khi vì yên-ổn mà gây nên. Phải đón-ngăn ý-nghĩ kiêu-xa, có khi vì sung-sướng mà sinh sự! Có như thế thì họa là mới giữ-gìn được. Nên Trẫm nghĩ làm ra bộ sách này, thực là rất trông-mong cho con-cháu đời sau!

Lam Sơn Thực Lục

Phụ Lục

Lời bình¹

Âm không cùng thì Dương không nẩy. Loạn không cực thì đức không sinh. Đó là lời bàn thông-thường xưa, nay! Nước Việt ta từ nhà Nhuận-Hồ trái đạo, trong nước mất trông mong. Người Minh nhân dịp ấy đem quân sang lấn. Giả-vờ làm quân nhân-nghĩa; ngắm-ngâm tính việc xâm-lãng! Tàn-hại nhân-dân; cướp lấy của báu. Rồi đó gồm nuốt nước ta, chia đặt quận, huyện. Thay-đổi phong-tục của ta; hiệp trao quan-tước của họ. Dân ta trong lúc ấy, đã khổ về chính-lệnh nhà Hồ nghiêm-ngặt, lại thảm nỗi quan-lại bên Minh rút-bòn! Quần-chúng thở-than, không kêu-gọi vào đâu cho được! Dù đương-thời có những trang quyền-biến, trí-thức, cũng chẳng qua náu hình, lẫn bóng, tránh tiếng, trốn đời để giữ mình cho khỏi bị hại mà thôi!

Ví không có bậc Thánh-nhân ra, thu lại đám dân tan-tác, cứu cho vận nước long-đong, thì ngôn-ngữ ta đã nói theo Tàu; áo-mũ ta đã mặc theo Tàu, dân-chúng biết lấy ai nương-nhờ? Ngòi nước biết bao giờ khôi-phục?

Trời giúp nước ta, đốc sinh ra đức.

Thái-tổ Cao hoàng-đế chúng ta, lấy tài thông-minh, trí, dũng; làm việc hởi tội, cứu dân. Trong lúc mới cất quân khởi nghĩa; Không để cho quan-tước dụ nôi; không để cho oai-thể hiệp nôi. Tuy gặp lúc nhiễu-nhương, mà lòng càng vững; trải cơn cùn-quẫn mà chí càng hăng. Tới khi tiếng nghĩa đồn dậy, gươm thần vung dài, mà các dũng-tướng, mưu-thần xúm lại như mây hợp! Tướng võ thì bọn Trịnh Khả, Lê Xí, thường lập được công to. Tướng văn thì bọn Nguyễn Trãi, Văn Linh, hăng bày ra kế giỏi ... Cho nên có thể lấy được ít mà địch được nhiều, lấy yếu mà chống nổi mạnh! Và chẳng trong lúc xông-pha hàng trận, không quên nghiên-cứu lược-thao. Có khi đặt mai-phục mà dùng kỳ-binh. Có khi nó định lừa mà ta phản lại! Tiến quân Vua như chẻ cây nứa! Phá lũ giặc như bẻ cành khô! Các tướng bên Minh, dùng hùng-hổ như bọn Liễu Thăng, Lương Minh, đều thua trận mà mất đầu! mưu-trí như bọn Thôi Tự, Hoàng Phúc, cũng hết kế mà dương mắt! Lũ giặc hơn hai mươi năm, quét trừ trong một sớm! Mặt non sông từ đó đổi mới! Ánh Nhật, Nguyệt, từ đó lại trong! Đất-cát lại đất-cát nước Nam! Nhân-dân lại nhân-dân giống Việt! Áo-xiêm, phong-tục, lại đúng như xưa! Nền-nếp, mỗi-giếng, lại sáng như cũ! Nhà-vua đã làm xong việc đuổi trừ quân tàn-bạo, lại suy rộng tấm lòng "không ham giết người". Phàm những quân, tướng người Minh bị bắt, đều cấp thuyền cho đưa về nước, khiến cho hơn mười vạn người được đội đức tái sinh. Nếu chẳng phải bậc Thần Võ không cần giết người, có sao được thế? Gia-đĩ hiểu đạo giao-hào láng-giếng, rõ nghĩa tôn-trọng nước lớn. Liền sai sứ-thần, sửa lại việc hòa-hảo cũ. Tô ra rằng: công-việc thuận trời, giữ nước, nếu chẳng phải bậc người hiểu sâu về nghĩa-ý của Thánh-hiền, có dễ được như thế đâu!

Xin xét về đời cổ mà bình-phẩm chuyện đó: Vũ-đế nhà Triệu cùng vua Hán đều tự làm vua nước mình, gồm có đất ở ngoài Ngũ-lĩnh, đóng đô ở Phiên-ngu, thật là vua anh-hùng. Thế nhưng chẳng qua cũng là một người Tàu sang cai-trị nước ta, chưa được chính-thống. Vua Tiên-hoàng nhà Đinh, đánh tan mười hai Sứ-quân, thống nhất được bản-đổ, dựng nên nước ta, thực là vua chính-thống. Thế nhưng lỗi vì không cẩn-thận đề-phòng việc nhỏ, gây ra sự chẳng lành, mà nước cũng mất theo. Vua Thái-tổ nhà Lý, nhân vua Ngọa-triều thất đức, bèn có Thiên-hạ. Nhưng về nghĩa vua, tôi, sai, trái danh-phận, không thể không mang thẹn ở trong Trời, Đất! Vua Thái-tông nhà Trần, nhân vua Chiêu-hoàng quá yếu, bèn chiếm ngôi báu; nhưng về trong buồng-the, ở lỗi đạo hăng, không thể không để cười mãi đến muôn đời! Còn Nhà-vua thì từ núi Lam mà khởi nghĩa, giận giặc Tàu mà cất quân. Rút lại có thể lấy nhân mà giết lũ bất nhân; lấy chính mà đánh phường bất chính; khôi-phục nước ta sau hồi giặc Minh; gồm lấy thiên-hạ ở tay

¹ Của các quan đời Vĩnh-trị.

người Minh ... Tới khi mảnh giáp dẹp yên, bốn phương phẳng-lặng, ban lời đại-cáo, để lên ngôi vua. Được nước như vậy kể rất là chính-đáng. Sách dạy rằng: "Người quân-tử trọng sự ở cho chính". Lại nói rằng: Bậc vương-giả trọng sự nhất-thống". Nhà-vua đã được như thế vậy! Lại rõ mực-thước trị nước, biết phép-tắc truyền nhà, soạn ra sách Thực Lục, bày-tỏ nỗi khó-khăn gây nên vương-nghiệp, để răn-bảo con-cháu đời sau: chớ lấy giàu-sang mà sinh kiêu-xa; chớ lấy yên-vui mà nhãng phòng-ngừa. Ấy, dựng nghiệp, để mỗi là thế! Kìa những việc làm của các vua Triệu, Đinh, Lý, Trần, có sánh bì đâu được một phần muôn?

Công-đức của Nhà-vua to-tát: đất rộng, trời dài!

Ân-trạch của Nhà-vua thấm-nhuần: non cao, biển cả!

Vậy thì Tông-miếu được bền. Đế-nghiệp được vững, cho đến ức, vạn năm, đều là nhờ ở công, đức của Nhà-vua gây nên vậy.

Văn Bia Vĩnh-Lăng

Ở Lam-Sơn

(Lăng vua Lê Thái-Tổ)

Dịch âm: Duy Thuận-thiên lục niên, tuế thứ Quý-sửu, nhuận bát nguyệt, nhị thập-nhị nhật.

Thái-tổ Cao hoàng Đế tân thiên. Bản niên thập nguyệt, nhị-thập tam nhật, táng vu Lam-sơn chi Vĩnh-lăng.

Đế tính Lê, húy Lợi. Tăng-tổ húy Hối. Thanh-hóa phủ nhân dã. Thường nhất nhật du Lam-sơn, kiến chúng diểu quần phi, tường nhiễu ư Lam-sơn chi hạ, nhược chúng nhân tụ hội chi trạng; viết: "Thứ giai xứ dã!". Nhân tỵ gia cư yên. Tam-niên nhi sản-nghiệp thành. Tử-tôn nhật phồn; nô-lệ nhật chúng. Kiến bang, khai thổ, thực cơ ư thứ yên. Tự thị thể vi nhất phương Quân-trưởng.

Hoàng-tổ húy Đinh, khắc thừa kỳ gia, dĩ kế tiên chí, hữu chúng chí thiên dư nhân.

Hoàng-tổ tỵ Nguyễn-thị, tối hữu hiền-hạnh, sinh nhị tử, trưởng viết Tông, thứ viết Khoáng: Đế chi.

Hoàng-khảo dã: khai-đế từ-tường, hưu-hưu lạc thiện, hiếu dưỡng tân-khách. Lân-cảnh chi dân, thị đồng nhất gia. Thị dĩ nhân mạc bất cảm kỳ ân nhi phục kỳ nghĩa dã.

Hoàng-tỷ Trịnh-thị húy Thương, cần ư phụ đạo. Khuê-môn hòa mục, gia nhật ích xương. Sinh tam tử: bá viết Học, Trọng viết Trừ, quý tặc.

Đế dã Bá thụ Tổ, Phụ, chi truyền, bất hạnh đoàn mệnh.

Đế thừa Tổ, Phụ chi nghiệp duy cần. Tuy thì tao đại-loạn nhi chí thà ích kiên. Hối tích sơn-lâm, dĩ giá-sắc vi nghiệp. Do kỳ phần cường-tặc chi lăng-bạo vuu chuyên tâm ư thao-lược chi thư. Khánh-kiệt gia-tư, hậu đãi tân-khách.

Mậu-tuất khởi tập nghĩa binh, đồn Lạc-thủy thượng. Tiền hậu phàm sở phạp dư chiến, giai thiết phục, xuất kỳ, tỵ nhuệ, thừa tề; dĩ quả địch chúng; dĩ nhược chế cường.

Bính-ngọ chiến ư Tốt-động, đại tiếp, toại tiến vi Đông-đô. Đinh-vụ tặc viện An-viễn-hầu Liễu Thăng lĩnh binh thập vạn, do Quảng-tây tiến, Kiểm-quốc-công Mộc Thạnh, lĩnh binh ngũ vạn do Vân-nam tiến. Chi-lăng nhất chiến, Liễu Thăng thụ tử; trảm tặc chúng sở vạn dư cấp; Sinh cầm tặc tướng Hoàng Phúc, Thôi Tu đảng tam bách dư nhân, quân-hạ tam vạn dư khẩu. Sở hoạch Liễu Thăng sắc mệnh, binh phủ, tổng Vân-nam quân. Mộc Thạnh kiến chi, cử chúng tiêu hội. Trảm quắc sinh cầm, bất khả đàn kỳ. Thời trấn thủ Đông-quan thành, Thành-sơn hầu Vương Thông đảng tiên dữ ngã quân giảng hòa vi định, chí thị thịnh minh ư. Nhị-hà chi thượng. Các xứ trấn thủ thành-trị, câu khai môn xuất hàng. Phàm sở cầm hoạch tặc nhân, cập các thành hàng tốt, cai thập dư vạn khẩu, nhất giai phóng hoàn. Thủy lộ tổng hiệu thuyền ngũ bách du sừ. Lục lộ ứng phó khẩu lương, cước lực. Giới trấp quân sĩ, thu-hào nhất vô sở phạm. Lưỡng quốc tự thị thông hiếu. Bắc Nam vô sự. Mang-lễ, Ai-lao, câu nhập bán-đô; Chiêm-thành, Đồ-bà, hàng hải tu cống.

Đế tiêu y hãn thực, phàm lục tài nhi quốc trung đại trị. Chí thị băng.

Thuận-thiên lục niên, Quý-sửu, Thập nguyệt, Cát nhật, Vinh-lộc Đại-phu, Nhập-nội Hành-khiển, Tri Tam Quân sự, thần Nguyễn Trãi phụng Sắc loạn.

Hàn-lâm-viện đái-chế, thần Vũ văn Phi phụng thư.

Dịch nghĩa: Duy hiệu Thuận-thiên năm thứ sáu, là năm Quý-sửu tháng tám nhuận, ngày hai mươi hai, đức Thái-tổ Cao hoàng đế châu Trời. Tháng mười năm ấy, ngày hai mươi ba, táng ở Vĩnh-lăng thuộc Lam-sơn.

Nhà-vua, họ Lê húy Lợi.

Tăng-Tổ húy Hối, là người phủ Thanh-hóa. Từng có một ngày đến chơi Lam-sơn, thấy các chim bay hàng đàn, liệng quanh ở dưới núi Lam-sơn, như về đông người hội-họp; liền nói rằng: "Chỗ này tốt đây!". Nhân dời nhà đến ở. Ba năm mà gây nên sản-nghiệp; con-cháu ngày một đông; tôi-tổ ngày một nhiều. Việc dựng nước, mở đất, thực gây nền từ đó. Từ đó đời đời làm chúa một phương.

Hoàng-tổ húy Đinh, nổi được nghiệp nhà, để kế chí người trước, có dân đến hơn nghìn người.

Hoàng-tổ-tỷ họ Nguyễn, rất có nết hiền, sinh hai con: trưởng là Tòng, thứ là Khoáng, ấy là:

Hoàng-khảo của

Nhà-vua: hoà-nhã, hiền-lành, vui-vẻ, thích làm việc thiện, chiêu-đãi khách-khứa. Dân ở cõi bên, coi cũng như một nhà. Vì thế không ai không cảm ngài vì ơn-đức và phục ngài vì nghĩa-khí.

Hoàng-tỷ họ Trịnh, húy là Thương, chăm-chỉ đạo đàn-bà; buông-the hòa-thuận, nhà ngày càng thịnh. Sinh ba con: cả là Học, giữa là Trứ, út là Nhà-vua. Ông Cả chịu cơ-nghiệp của ông, cha truyền lại, không may ngắn số.

Nhà-vua nổi nghiệp ông, cha, rất là kính-cẩn. Tuy gặp thì loạn lớn, mà chí càng bền. Lấn dẫu vào núi rừng, chăm nghề cày-cấy. Bởi ngài giận quân giặc cường-bạo lấn-hiếp, nên càng chuyên tâm về các sách thao-lược. Khánh-kiệt của nhà, hậu-đãi khách-khứa.

Năm Mậu-tuất, bắt đầu họp tập quân-nghĩa, đóng đồn trên sông Lạc-thủy. Trước sau gồm hai mươi mấy trận đánh, đều đặt mai-phục! dùng kỳ-binh; lánh quân hăng; lừa lúc mệt; lấy ít địch nhiều; lấy yếu chống mạnh.

Năm Bính-ngọ, đánh ở Tốt-động (giờ thuộc Hà-đông), được lớn. Bèn tiến lên vây Đông-đô (Hà-nội).

Năm Đinh-vi, quân cứu-viện của giặc là An-viễn-hầu Liễu Thăng, đem mười vạn quân từ Quảng-tây tiến sang; Kiểm-quốc-công là Mộc Thạnh, đem năm vạn quân từ Vân-nam tiến sang. Một trận đánh ở Chi-lãng, Liễu Thăng nộp đầu; chém quân giặc hơn vài vạn; bắt sống được tướng giặc là lũ Thôi Tự, Hoàng Phúc hơn ba trăm người; quân-lính hơn ba vạn miệng. Đem tờ sắc cùng binh-phủ bắt được của Liễu Thăng đưa sang cho quân Vân-nam. Mộc Thạnh thấy thế, đem quân đêm trốn. Nào chém đầu, nào bắt sống, không thể xiết chép. Khi ấy trấn-thủ ở thành Đông-quan, là bọn Thành-sơn-hầu Vương Thông, trước đã cùng quân ta giảng hòa chưa quyết, đến bây giờ xin ra thể ở trên sông Nhị-hà. Các kẻ trấn-thủ thành-trị các nơi, đều mở cửa ra hàng.

Phàm những quân giặc bắt được, cùng lính đầu hàng ở các thành gồm hơn mười vạn miệng, nhất thiết đều tha về. Đường thủy đưa cho hơn năm trăm thuyền hiệu. Đường bộ cấp cho lương ăn cùng phu gánh. Răn-bảo quân-sĩ, may may không xâm-phạm một chút nào. Hai nước từ đó thông sứ hòa-hào. Nam, Bắc yên việc. Mang-lễ, Ai-Lao, đều vào bản đồ. Chiếm-thành, Đồ-bà, vượt bể đến cống.

Nhà-vua dậy sớm, ăn trưa, gồm sáu năm mà trong nước thịnh-trị. Tới nay bằng.

Thuận-thiên năm thứ sáu, Quý-sửu, tháng mười, ngày lành, Vinh-Lộc đại-phu Nhập-nội Hành-khiển, chủ việc Ba Quân, tôi là Nguyễn Trãi phụng

Sắc, soạn.

Hàn-lâm-viện đãi chế tôi là Vũ văn Phi phụng viết

Bạt

Cuốn "Lam-sơn thực lục" có phải do tay Nguyễn Trãi viết không?

Độc văn bia Vĩnh-lãng, theo bản trường Viễn-đông Bác-cổ đã dập được và in ra, ta thấy đoạn đầu văn bia ấy tức là đoạn đầu cuốn sách này. Văn bia ấy là của Nguyễn Trãi soạn, vậy cuốn sách này tức cũng do Nguyễn Trãi soạn. Một là vì giọng văn rất giống nhau. Hai là vì không có lẽ ông Trãi là một tay văn-hào, phụng sắc viết bia, kể

cũng là một việc trọng, lại lười mà chép cả đoạn ở một cuốn sách do người khác viết như vậy. Ba là vì trong sách chỉ nhắc đến Nguyễn Trãi về việc giữ giấy tờ trong quân và viết bài Bình Ngô đại cáo. Còn chỗ nói đến các văn-thần có công giúp Nhà-vua mở nước, thì chỉ kể có Lê văn Linh và Bùi quốc Hưng. Ấy là ông Trãi tự mình khiêm-tốn không dám tự-nhận là hạng khai-quốc nguyên-huân. Nếu người khác viết thì có lẽ nào chỗ đó lại bỏ tên Nguyễn Trãi cho được?

Vậy thì sao trong lời tựa vua Lê Thái-tổ lại tự nói là mình viết? Mà trong lời bình người sau lại cũng nhận là của Nhà-vua viết? Cái đó không có gì lạ: Nhà-vua sai ông Trãi viết hộ mình, cũng như viết hộ bài Bình Ngô đại cáo mà thôi. Đọc suốt cuốn sách mà coi, nếu quả vua Lê tự viết, thì dù Ngài hiểu thẳng đến đâu, cũng không tự tán-tụng mình đến như thế! Huống chi Nhà-vua lại không phải người hiểu thẳng. Về việc lấy nước làm vua, một thì rằng: Bản chí cũng muốn yên thân, không có lòng muốn lấy thiên-hạ; hai thì rằng: Nhờ Tổ-tiên nhân đức, trời, đất, phù-hộ, nên mới được thế! Cho đến dưới bài tựa cũng chỉ xưng mình là Chúa động Lam-sơn, cái hiệu lúc còn làm một vị "lang mừng" nho-nhỏ, ...

Tiếc rằng sách đã qua tay các quan đời Vĩnh-trị được vua cho phép đem các sách riêng của họ mà bù thêm vào! Họ bù thêm vào được cái gì? Được mấy đoạn truyện thì hoang-đường, văn thì dốt-nát, mà tôi đã vạch ra trong khi dịch...

Trừ cái vết nhỏ ấy ra, thì "Lam-sơn thực lục" chính là một hòn ngọc ở trong mớ sử-liệu nước nhà. Cái giá-trị nó ở chỗ người đương-thời chép việc đương-thời. Đối với các sử-gia, những tài liệu như thế chẳng phải là dễ kiếm.

Vì lẽ ấy, tôi dịch "Lam-sơn thực lục"

Đêm Thất-tịch Giáp-thân (1944)

Tại nhà xuất-bản Tân Việt

Bảo Thần